



BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

Điện thoại: 0243.882.1651/ (84)4.38820141

Fax: (84)4.38820306 Website: <http://www.httc.edu.vn/>

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ: MAY THỜI TRANG
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2022 (2020 – 2022)

Hà Nội, tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT

03

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA MAY THỜI TRANG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ04
2. Thông tin khái quát về Khoa May thời trang..... 11
3. Thông tin về Chương trình đào tạo..... 14

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....

1. Tổng quan chung 20
2. Tự đánh giá 22
 - 2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá 22
 - 2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn
 - Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính..... 28
 - Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo 34
 - Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên..... 52
 - Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình..... 64
 - Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học, thư viện..... 81
 - Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học 101
 - Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng..... 109

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 121

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ..... 123

PHỤ LỤC

1. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào..... 125
2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo..... 131
3. Bảng mã minh chứng..... 132

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1.	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
2.	LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
3.	TĐGCLCSGDNN	Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4.	TCN	Trung cấp nghề
5.	MC	Minh chứng
6.	BS	Minh chứng bổ sung
7.	NH	Nội hàm
8.	HSSV	Học sinh, sinh viên
9.	KTV	Kỹ thuật viên
10.	NV	Nhân viên
11.	BB	Biên bản
12.	CĐN	Cao đẳng nghề
13.	KTCN	Kỹ thuật Công nghệ
14.	KHCB	Khoa học cơ bản
15.	CCXS	Chứng chỉ xuất sắc
16.	MTT	Máy thời trang
17.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ, KHOA MAY THỜI TRANG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Tên Tiếng Anh: TECHNIQUE TECHNOLOGY COLLEGE viết tắt là TTC

Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Trụ sở chính: Tổ 27, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Số điện thoại: 0243. 9687241

Số fax: 0243. 8820306

Email: TruongCDNKTCN@gmail.com.

Website: www.httc.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 2000

- Năm nâng cấp thành Trường cao đẳng nghề: 2006

Loại hình trường: Công lập Tư thục

1.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ tiền thân là Trường công nhân kỹ thuật và bồi dưỡng lao động xuất khẩu, được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập theo Quyết định số 434/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 24/4/2000 với nhiệm vụ chính là đào tạo công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; thực hiện hợp tác quốc tế về dạy nghề.

Ngày 10/12/2003, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra Quyết định số 1639/QĐ-LĐTBXH đổi tên Trường thành Trường Kỹ thuật - Công nghệ. Được sự chỉ đạo thường xuyên của lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục dạy nghề (nay là Tổng cục GDNN), Trường đã hoạt động ổn định, phát triển vững chắc, hình thành môi trường sư phạm chuyên nghiệp với đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp.

Ngày 29/12/2006, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký: Quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ trên cơ sở nâng cấp trường Kỹ thuật - Công nghệ.

Trường đã tuyển sinh và đào tạo được 23 khoá với hơn 10.000 HSSV, trong đó Hệ công nhân kỹ thuật là 9 khoá, Hệ Cao đẳng và Trung cấp là 15 khoá.

Với những thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng, phát triển và phục vụ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã đạt được nhiều danh hiệu cao quý:

Trường có 01 giáo viên đạt Huy chương đồng tại hội thi kỹ năng nghề khu vực Đông Nam Á (MY SKILL), 04 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia, trong đó có 1 giải nhất, 21 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, trong đó có 1 giải nhất.

Trường có 09 thiết bị tự làm đạt giải quốc gia trong đó có 02 giải nhất; 14 thiết bị tự làm đạt giải cấp thành phố, trong đó có 3 giải nhất.

Trường có 04 học sinh đạt giải nhất học sinh giỏi quốc gia được cử đi dự thi quốc tế; gần 57 học sinh đạt học sinh giỏi thành phố Hà Nội trong đó có 06 giải nhất; có 311 học sinh giỏi cấp trường.

Chất lượng đào tạo nghề của Trường còn được khẳng định thông qua kết quả học tập của học sinh: hơn 98% học sinh tốt nghiệp ra trường.

Với những thành tích đã đạt được, Nhà trường đã 02 lần được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen (năm 2005 và 2009); được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 2007); được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Cờ thi đua xuất sắc (năm 2004, 2005, 2009) và tặng 05 Bằng khen (năm 2012, 2013, 2014, 2017, 2019) và nhiều Giấy khen cho các cá nhân, tập thể có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Các thành tích của GV, CBCNV cũng được ghi nhận: 02 CBGV được tặng huân chương lao động hạng ba, 03 CBGV được thủ tướng chính phủ tặng bằng khen, 04 CBGV được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp bộ, được đại diện các cá nhân điển hình tiên tiến báo cáo trước hội nghị điển hình tiên tiến, hàng chục cá nhân được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng bằng khen. Ngoài ra, tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng bằng lao động sáng tạo cho 01 giáo viên năm 2020 của trường; nhiều cá nhân được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tặng Kỷ niệm chương...

Đảng bộ Trường, Công đoàn trường nhiều năm liền được công nhận là đơn vị vững mạnh, xuất sắc. Đoàn Thanh niên CSHCM thường xuyên được khen tặng, công nhận là “Đoàn Trường vững mạnh, xuất sắc”.

1.2. Mục tiêu, sứ mệnh của Trường

Mục tiêu của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ phấn đấu trở thành Trường đào tạo chất lượng cao đạt thương hiệu Quốc gia và khu vực; là Trung tâm luyện thi tay nghề cho các thí sinh tham gia dự các Hội thi tay nghề quốc tế; là nơi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ giáo viên, cán bộ quản lý GDNN trong cả nước; tổ chức bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng các mô hình

giáo dục nghề nghiệp tiên tiến, phát triển phương tiện, thiết bị GDNN và chuyển giao công nghệ.

1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trường

a) Chức năng của Trường

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện đào tạo nguồn nhân lực 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ phục vụ nhu cầu đào tạo và chuyển giao công nghệ.

b) Nhiệm vụ của Trường

- Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong và ngoài nước;

- Tổ chức hoạt động dạy và học, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp, cấp bằng, chứng chỉ nghề và các hoạt động khác theo quy định;

- Tổ chức nghiên cứu khoa học; nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; chuyển giao công nghệ; tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo nghề theo quy định của pháp luật;

- Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề;

- Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và gia đình người học trong hoạt động dạy nghề;

- Liên kết và hợp tác đào tạo trong và ngoài nước; liên kết đào tạo với các trường đại học; liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế để đào tạo tại chỗ, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo vừa làm vừa học theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức giáo dục nghề nghiệp cho người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của Bộ;

- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ;

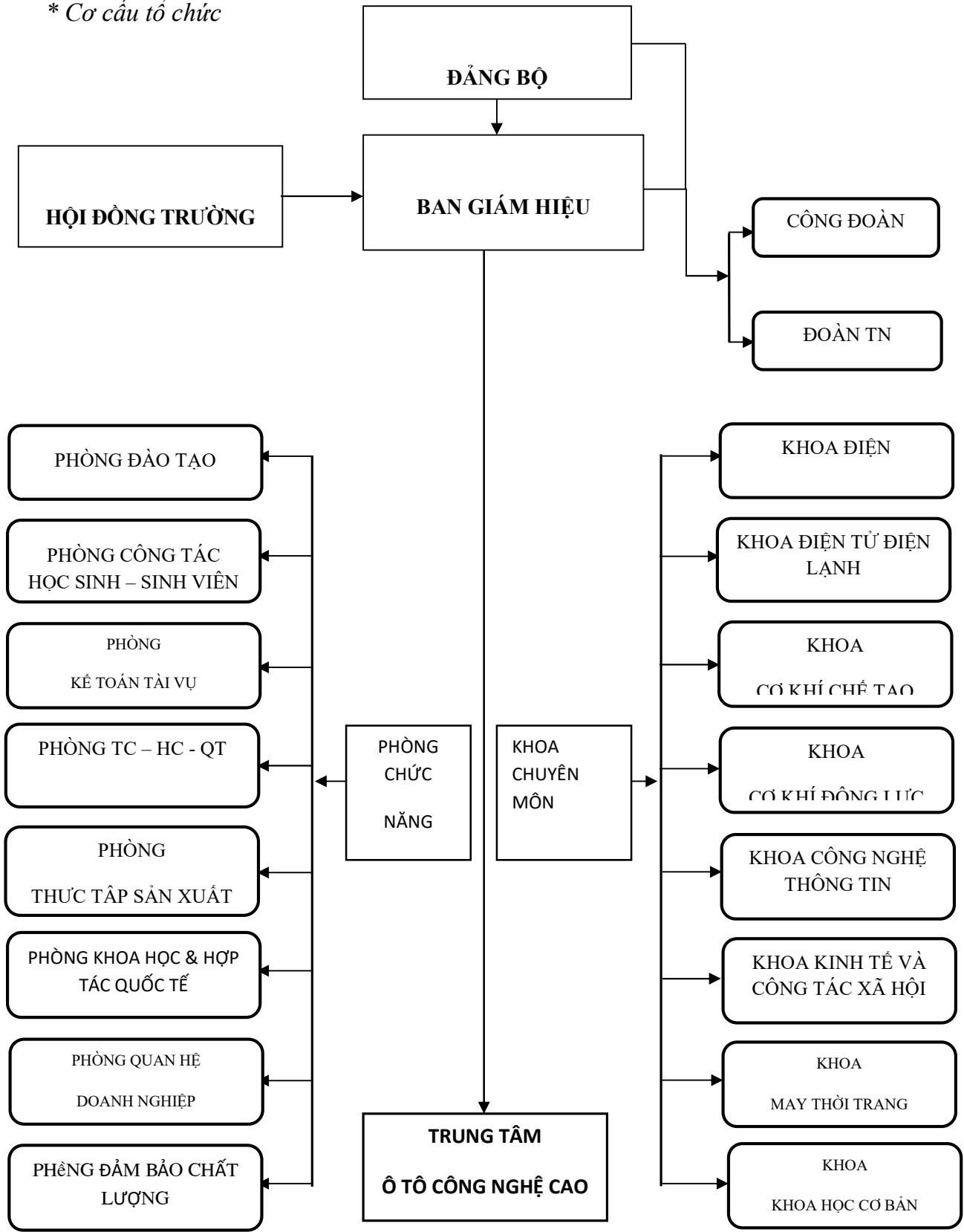
- Đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo phân công của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường

Hiện tại, Nhà trường có 8 phòng chức năng (Phòng Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác HSSV; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ) phục vụ hoạt động đào tạo; Trường có 8 Khoa chuyên môn (Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Điện tử - Điện lạnh; Khoa Cơ khí Động lực; Khoa Cơ khí chế tạo; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Kinh tế và công tác xã hội; Khoa Điện và Khoa May thời trang); Trường có 1 Trung tâm là Trung tâm Ô tô Công nghệ cao.

** Cơ cấu tổ chức*



1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường

(tính đến 31/12/2021): 100 người (kể cả Hợp đồng lao động)

- Nam: 48
- Nữ: 52
- Biên chế: 57
- Hợp đồng: 43
- Giáo viên giảng dạy cơ hữu: 50 và 13 GV kiêm nhiệm; CBNV: 37
- Thỉnh giảng: 06

Nội dung	Năm 2018 (31/12/2018)	Năm 2019 (31/12/2019)	Năm 2020 (30/10/2020)	Năm 2021 (31/12/2021)
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	108	111	105	100
- Tiến sĩ:	02	02	03	01
- Nghiên cứu sinh	02	02	01	01
- Thạc sĩ	35	34	38	32
- Sau ĐH	06	05	03	03
- Đại học	50	55	49	48
- Cao đẳng	02	02	01	04
- Trung cấp	01	01	01	02
- Trình độ khác	10	10	09	09
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	62	57	49	50
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	73/84	61/72	63/74	64/74
4. Số giáo viên Thỉnh giảng	15	8	04	06

1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ được bố trí tại 2 khu với tổng diện tích đất là 99.625m², cụ thể:

- Khu làm việc: 1057 m²

- Khu học lý thuyết: 4120 m²
- Khu nhà xưởng thực hành: 7 913 m²
- Ký túc xá: 4448 m²;
- Thư viện: 850 m²

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Diện tích	Ghi chú
I	Đất đai	m ²	99.625	
1	Đất giao năm 2004 (Khu mới)	m ²	60.630	<i>QĐ số 9593/QĐ-UB ngày 18/12/2004 của UBND TP. Hà Nội</i>
2	Đất giao năm 2008 (Khu mới)	m ²	26.195	<i>QĐ số 1218/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 của UBND TP. Hà Nội</i>
3	Đất giao năm 1982 (<i>Khu cũ tính theo diện tích thực tế đang sử dụng</i>)	m ²	12.800	<i>QĐ số 4489/QĐ-UB ngày 16/11/2008 của UBND TP. Hà Nội</i>
II	Diện tích xây dựng các công trình			
	Khu A (1,3ha)		5.789	
1	Nhà học lý thuyết 1	m ²	4.120	<i>Đang sử dụng</i>
2	Nhà xưởng 4 tầng	m ²	3.736	<i>Đang sử dụng</i>
3	Nhà xưởng thực hành ô tô cơ khí	m ²	1,500	<i>Đang sử dụng</i>
4	Nhà để xe	m ²	464	<i>Đang sử dụng</i>
5	Nhà thường trực	m ²	48	<i>Đang sử dụng</i>
6	Trạm bơm	m ²	32	<i>Đang sử dụng</i>
7	Trạm điện I (1600 KW)	m ²	64	<i>Đang sử dụng</i>
8	Ký túc xá số 11A	m ²	4.448	<i>Đang sử dụng</i>
9	Nhà Đa năng	m ²	850	<i>Đang sử dụng</i>
	Khu B (8,7ha)		2.091	
10	Nhà hiệu bộ C1, C2	m ²	1.057	<i>Đang sử dụng</i>
11	Nhà học + Xưởng thực hành	m ²	2.677	<i>Đang sử dụng</i>
12	Nhà KTX	m ²	3.075	<i>Đang sử dụng</i>

13	Trạm điện	m ²	21	<i>Đang sử dụng</i>
15	Nhà thường trực	m ²	15	<i>Đang sử dụng</i>
	Cộng diện tích xây dựng	m ²	7.880	

Tổng diện tích Phòng học LT+ xưởng thực hành đang sử dụng : 1.950 m²;

Ngoài ra, trường còn Hợp đồng liên kết đào tạo hệ Trung cấp GDNN với các Trung tâm GDNN - GDTX tại Bắc Giang như: Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Hiệp Hòa, Tân Yên; Trung tâm GDNN - GDTX Phố Nôi - Hưng Yên; Trung tâm GDNN - GDTX Đông Anh, Trung tâm GDNN - GDTX Sóc Sơn.

2. Thông tin khái quát về Khoa May thời trang

2.1. Thông tin khái quát

Tên Khoa Tiếng Việt: Khoa may thời trang

Tên Tiếng Anh: fashion apparel

Email: maythoitrangcdn.ktcn@gmail.com

Năm thành lập Khoa May thời trang: 2000

2.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của đơn vị

Khoa May thời trang thực hiện các nhiệm vụ trong công tác giảng dạy đào tạo nghề May thời trang và các hoạt động chuyên môn theo kế hoạch đào tạo của nhà trường, các thầy cô trong Khoa không ngừng nỗ lực học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ..

Năm bắt đầu tiến hành tuyển sinh và đào tạo: 2000

Khoa đã đào tạo gần 2.000 học sinh sinh viên nghề May thời trang. Hàng năm, thực hiện các văn bản hướng dẫn về việc chỉnh sửa và hiệu chỉnh chương trình, Khoa đã thực hiện nghiêm túc để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu về đào tạo nghề nói chung và mục tiêu đào tạo của nhà trường.

+ **Thành tích của Giáo viên:**

Giáo viên trong Khoa năm nào cũng đạt giáo viên dạy cấp trường

TT	Năm	Giải thưởng	Hội thi
1	2021	01 Giấy khen	Hội thi GVĐG nghề cấp Trường
10	2022	01 Giấy khen	Hội thi GVĐG nghề cấp Trường

+ Thành tích của Học sinh sinh viên :

Học sinh, sinh viên của Khoa đã đạt được một số giải thưởng trong các hội thi tay nghề:

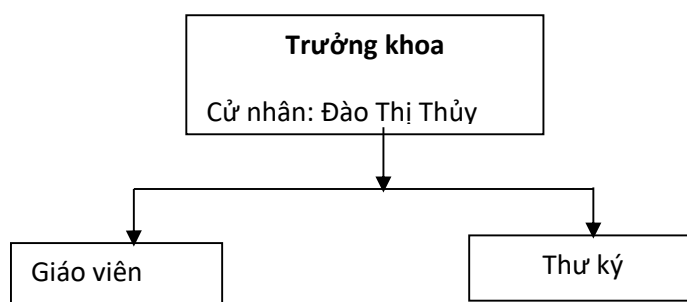
TT	Năm học	Giải thưởng	Hội thi
1	2018 - 2019	01 Giải Ba	Hội thi tay nghề thành phố
2	2019-2020	01 Giải khuyến khích	Hội thi tay nghề thành phố

+ Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
1	Khóa 13 (2019-2022)	45	43	100%	
2	Khóa 14 (2020-2023)	90	85	Chưa tốt nghiệp	
3	Khóa 15 (2021-2024)	120	100	Chưa tốt nghiệp	
TỔNG CỘNG		255	228		

2.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị

2.3.1. Cơ cấu



2.3.2. Nhân sự của nghề may thời trang

+ Tổng số: 04 trong đó:

- Nam: 0
- Nữ: 8
- Cơ hữu: 04
- Thỉnh giảng: 04

<i>Giáo viên cơ hữu</i>				<i>Kỹ năng nghề bậc 3</i>
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số	
Thạc sĩ	0	0		
Đại học	0	4		
Tổng số	0	4	04	04

+ Danh sách cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy các mô học, mô đun chương trình dạy nghề May thời trang:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1	Đào Thị Thủy	1977	C.nhân. Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	Trưởng khoa
2	Phùng Thị Nụ	1984	Kỹ sư Công nghệ may	Giảng viên
3	Trần T Ngọc Huệ	1992	Kỹ sư Công nghệ may	Giảng viên
4	Vũ Thị Vui	1996	Kỹ sư Công nghệ may	Giảng viên

2.3.3. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

STT	Hạng mục/công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Chức năng
1	Xưởng may cơ bản	m ²	135	Phục vụ giảng dạy, sản xuất
2	Xưởng May nâng cao	m ²	65	Phục vụ giảng dạy, sản xuất
3	Phòng thiết kế mẫu	m ²	65	Phục vụ giảng dạy, sản xuất

2.3.4 Kinh phí đầu tư cho đào tạo

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định mức chi tối thiểu cho một người học. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo như sau:

Năm 2019: 21.637.000.000 đồng

Năm 2020: 18.918.000.000 đồng

Năm 2021: 21.637.000.000 đồng

Để thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang, ngoài nguồn thu từ ngân sách cấp và dịch vụ khác bổ sung, còn có nguồn thu từ học phí của học sinh nghề May thời trang. Cụ thể, số liệu thu học phí của học sinh sinh viên nghề May thời trang trong 3 năm:

Năm 2019-2020: 891.000.000 đồng

Năm 2020-2021: 1.037.400.000 đồng

Năm 2021-2022: 1.336.600.000 đồng

3. Thông tin về Chương trình đào tạo nghề May thời trang

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1 Mục tiêu chung:

Hiểu biết cơ bản về kiến thức lý thuyết ngành may và có tay nghề nghề may để tham gia trực tiếp sản xuất trên dây chuyền may công nghiệp, Ngoài ra còn có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng .

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức của các môn cơ sở như: vẽ kỹ thuật, an toàn lao động để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề may thời trang;

- Hiểu được nguyên lý, tính năng, tác dụng của một số thiết bị cơ bản trên dây chuyền may công nghiệp;

- Trình bày được phương pháp thiết kế các kiểu quần âu, sơ mi, áo khoác ngoài;

- Trình bày được phương pháp may các kiểu quần âu, sơ mi, áo khoác ngoài;

- Hiểu phương pháp xây dựng quy trình công nghệ các loại sản phẩm may

- Kỹ năng:

- Thiết kế và xây dựng được các loại mẫu phục vụ quá trình may sản phẩm;

- Lựa chọn vật liệu phù hợp với kiểu sản phẩm;

- Sử dụng thành thạo và bảo quản được một số thiết bị cơ bản trên dây chuyền may;

- Cắt, may được các kiểu quần âu, sơ mi, áo khoác ngoài đảm bảo kỹ thuật

- xây dựng được quy trình công nghệ lắp ráp các loại sản phẩm may;

- Thực hiện được các công việc trên dây chuyền sản xuất và có biện pháp an toàn, vệ sinh công nghiệp.

- Chính trị, đạo đức:

- Có kiến thức về Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

- Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Hiểu đường lối phát triển kinh tế của Đảng và những thành tựu, định hướng phát triển của nghề May thời trang tại Việt Nam;
- Hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam để kế thừa truyền thống và phát triển năng lực trong giai đoạn tới;
- Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- Yêu nghề có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;
- Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

- Đảm bảo sức khỏe để có thể học tập và làm việc trong ngành May thời trang;
- Thực hiện các phương pháp rèn luyện thể chất, để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;
- Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng sẵn sàng thực hiện theo nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3.1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Trung cấp, học sinh trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền may công nghiệp hoặc trực tiếp làm việc tại:

- Tham gia sản xuất trong các công đoạn sản xuất của các doanh nghiệp may;
- Làm việc độc lập tại cơ sở do cá nhân tự tổ chức sản xuất;
- Ngoài ra học sinh còn có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

3.2. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo đang áp dụng: Đào tạo theo Niên chế, tín chỉ, Mô đun.

Phương thức đào tạo tập trung là phương thức mà người học phải dành toàn bộ thời gian cho việc học ở trường. Học sinh được nghe giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp, được học tập và thực hành ngay trên những thiết bị hiện đại, đồng bộ, có tính ứng dụng cao trong trường.

3.3. Tóm tắt nội dung chương trình dạy nghề

Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề May thời trang trình độ Trung cấp nghề đã được ban hành theo theo quyết định số 219A/QĐ-CDNKTCN ngày 07 tháng 10 năm 2020. Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh và ban hành các chương trình dạy nghề. Tất cả các chương trình dạy nghề của Trường trước khi ban hành đều được đánh giá, thẩm định và nghiệm thu.

Nội dung chương trình năm 2017

- Khối lượng môn học, mô đun: 1540 giờ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 210 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1330 giờ
- Khối lượng lý thuyết 335 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm 995 giờ

Tóm tắt nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra/ Thi kết thúc môđun
I	Các môn học chung	13	210	107	87	16
MH01	Chính trị	2	30	22	6	2
MH02	Pháp luật	1	15	10	4	1
MH03	Giáo dục thể chất	2	30	3	24	3
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	45	28	13	4
MH05	Tin học	2	30	13	15	2
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	3	60	31	25	4

II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	12	180	162	0	18
MHMTT07	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	30	27	0	3
MHMTT08	Vật liệu may	2	30	27	0	3
MHMTT09	Nhân trắc học	2	30	27	0	3
MHMTT10	Cơ sở thiết kế trang phục	2	30	27	0	3
MHMTT11	An toàn lao động	2	30	27	0	3
MHMTT12	Thiết bị may	2	30	27	0	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	37	1150	155	938	57
MĐMTT13	Thiết kế trang phục 1	2	75	15	57	3
MĐMTT14	May áo sơ mi nam, nữ	4	105	15	85	5
MĐMTT15	May quần âu nam, nữ	4	105	15	83	7
MĐMTT16	Thiết kế trang phục 2	2	45	15	27	3
MĐMTT17	May áo Jacket	4	105	15	78	12
MĐMTT18	Thiết kế mẫu công nghiệp	3	60	30	24	6
MĐMTT19	Giác sơ đồ trên máy tính	2	45	15	24	6
MĐMTT20	May các sản phẩm nâng cao	7	210	20	180	10
MĐMTT21	Thực tập nghề nghiệp	9	400	15	380	5
	Tổng	62	1540	424	1025	91

Nội dung chương trình điều chỉnh, bổ sung năm 2020

- Khối lượng môn học, mô đun: 1660giờ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 66 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 255giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1405giờ

- Khối lượng lý thuyết 465 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm 1091 giờ, kiểm tra 104 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra/ Thi kết thúc môđun
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	54	1405	371	943	91
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	12	180	162	0	18
MHMTT07	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	30	27	0	3
MHMTT08	Vật liệu may	2	30	27	0	3
MHMTT09	Nhân trắc học	2	30	27	0	3
MHMTT10	Cơ sở thiết kế trang phục	2	30	27	0	3
MHMTT11	An toàn lao động	2	30	27	0	3
MHMTT12	Thiết bị may	2	30	27	0	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên	42	1225	209	943	73

	môn					
MĐMTT13	Thiết kế trang phục 1	3	75	15	57	3
MĐMTT14	Máy áo sơ mi nam, nữ	4	120	20	94	6
MĐMTT15	Máy quần âu nam, nữ	4	105	15	83	7
MĐMTT16	Thiết kế trang phục 2	2	45	15	27	3
MĐMTT17	Máy áo Jacket	4	105	15	78	12
MĐMTT18	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	30	28		2
MĐMTT19	Thiết kế trang phục 3	2	30	11	15	4
MĐMTT20	Máy váy, áo váy	2	60	15	36	9
MĐMTT21	Thiết kế mẫu công nghiệp	3	60	30	24	6
MĐMTT22	Giác sơ đồ trên máy tính	2	45	15	24	6
MĐMTT23	Máy các sản phẩm nâng cao	5	150	15	125	10
MĐMTT24	Thực tập nghề nghiệp	9	400	15	380	5
	Tổng	66	1660	465	1091	104

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ quyết định số 1836/QĐ-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017 V/v phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019;

Căn cứ công văn số 1318/TCGDNN-KĐCL ngày 16 tháng 06 năm 2020 V/v thực hiện qui định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020;

1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong khoa về tầm quan trọng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm qui định.
- Đánh giá được chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo nghề May thời trang là đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Xác định được đúng các điểm mạnh, các tồn tại cần phải tiếp tục khắc phục trong thời gian tới nhằm hướng đến hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN của Trường vào năm tiếp theo.
- Công bố, công khai thực trạng đào tạo của nhà trường với người học nghề, nhằm khẳng định thương hiệu, vị thế của nhà trường trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.
- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CLCSGDNN), chất lượng chương trình đào tạo (CLCTĐT) hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.
- Đảm bảo đúng qui trình, thời gian qui định.

1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục dạy nghề ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.

Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề May thời trang đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề may thời trang.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Tập huấn về công tác thẩm định chất lượng chương trình đào tạo; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá)
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp nghề May thời trang.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo:

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
		100	98
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng Cơ khí động lực, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trưởng tự đánh giá
	vị sử dụng lao động theo quy định.		
	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	22
	Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung	2	2
	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	của chương trình đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá chi tiết theo từng tiêu chí

TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Nghề KT May thời trang là nghề mới và đang là nghề có nhu cầu cao tại địa phương cũng như toàn quốc vì vậy luôn được khá nhiều học sinh lựa chọn theo học. Có được kết quả đó là do:

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề May thời trang luôn gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, trường luôn rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo trên cơ sở khảo sát nhu cầu sử dụng lao động từ các doanh nghiệp lĩnh vực May thời trang

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao, khoa May thời trang đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm có sáng tạo, linh hoạt, khắc phục những bất cập, khó khăn; phối hợp có hiệu quả với các đơn vị trong trường để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo nghề cho học sinh nghề May thời trang.

Trường đã xây dựng cụ thể định mức chi phí đào tạo cho từng nghề cụ thể trong đó có nghề May thời trang. Đảm bảo đủ nguồn thu hợp pháp hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Trường có xây dựng định mức chi phí đào tạo cho người học; có đủ nguồn thu hợp pháp để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo của nghề May thời trang.

**** Những tồn tại: Không có***

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng:***

Từ năm học 2021 – 2022, May thời trang tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu công nghệ mới đang thịnh hành trên thị trường đưa vào đào tạo phục vụ công tác giảng dạy thực hành;

Tiếp tục phối hợp với các phòng chức năng xác định định mức chi tối thiểu cho một người học học chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động,

Mục tiêu tổng quát của trường được quy định rõ trong đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau: “Phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ thành trường nghề chất lượng cao, đạt trình độ đào tạo nghề khu vực ASEAN và thế giới; cung cấp nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu cho phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước” *(1.1.01 - Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ Số 1488/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/10/2015).*

Chức năng và nhiệm vụ của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu và sứ mạng đã đề ra. Tại Quy chế Tổ chức và hoạt động trường nêu rõ về chức năng của Nhà trường: “Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, thực hiện đào tạo nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật - công nghệ phục vụ yêu cầu đào tạo”; nhiệm vụ của Nhà trường là các nhiệm vụ theo quy định Điều 23 của Luật GDNN: “ a. Tổ chức đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật” *(1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ, Quyết định ban hành số 1299/QĐ-BLĐTBXH ngày 11/9/2015).*

Căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp, nghề của trường được phép tổ chức đào tạo nghề liên thông cả 3 cấp trình độ theo quy định của luật Giáo dục nghề nghiệp: Sơ cấp - Trung cấp - Cao đẳng. Mục tiêu đào tạo được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo. Cụ thể mục tiêu đào tạo trình độ Trung cấp nghề May thời trang: “Hiểu biết cơ bản về kiến thức lý thuyết ngành may và có tay nghề nghề may để tham gia trực tiếp sản xuất trên dây chuyền may công nghiệp, Ngoài ra còn có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng”. Mục tiêu cụ thể quy định kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng *(1.1.03 - Giấy*

chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHH-TCDN; 1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề May thời trang, chương trình chi tiết kèm theo).

Nghề may thời trang là một trong những nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao trên địa bàn thành phố Hà Nội và các địa phương phụ cận. Trên địa bàn thị trấn Đông Anh có khoảng trên 20 doanh nghiệp nhỏ quy mô vài chục công nhân và có công ty may An Thắng là doanh nghiệp có số công nhân khoảng gần 300 người. Số liệu khảo sát một số doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề nghề may thời trang như sau: **Năm 2021 trường thực hiện khảo sát 16 doanh nghiệp, 16/16 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng; Năm 2022 trường thực hiện khảo sát 20 doanh nghiệp, 20/20 đơn vị được khảo sát đều có nhu cầu tuyển dụng. (1.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát; các phiếu khảo sát)**

Từ những phân tích trên, trường đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động.

Mục tiêu của CTĐT nghề May thời trang nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố công khai trên website của Nhà trường (*1.1.06 - <http://www.httc.edu.vn>*) và được thông qua công tác tuyên truyền tuyển sinh hàng năm (*1.1.07 – Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020 - 2021. 2021 - 2022*).

Nội dung rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đào tạo:

Bộ chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ trung cấp được nhà trường xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018 căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Năm 2020, Trường đã triển khai rà soát bộ chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ trung cấp. So với bộ chương trình xây dựng năm 2017, bộ chương trình xây dựng năm 2020, trường không điều chỉnh mục tiêu chung, có điều chỉnh một số mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng theo hướng cập nhật công nghệ của các thiết bị và phần mềm thiết kế.

(1.1.08- Hồ sơ rà soát chương trình đào tạo; Bộ chương trình đào tạo nghề may thời trang năm 2020).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ (Quyết định số 27B/QĐ-CĐN KTCN ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ), Trong Quy chế có quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của khoa May thời trang và các đơn vị có liên quan bao gồm các phòng chức năng, khoa khoa học cơ bản (*1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường*). Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động, Hiệu trưởng nhà trường có các Quyết định giao nhiệm vụ cho khoa May thời trang; các phòng chức năng và khoa khoa học cơ bản (Đơn vị liên quan đến chương trình đào tạo nghề May thời trang) (*1.2.02 – Quyết định số 33A/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/02/2018 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường CĐN KTCN*)

Các nhiệm vụ cơ bản mà Khoa May thời trang được nhà trường giao, thực hiện và đã hoàn thành như sau:

Năm học 2020 - 2021:

Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa 13, 14 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện; thực hiện giảng dạy cho 05 Lớp, và 100% giáo viên trong khoa dạy đủ và vượt giờ

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: Tập thể Lao động tiên tiến.

Năm học 2021 – 2022:

Thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo đối với khóa 14, 15 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, nội dung chương trình, quản lý giáo viên và chất lượng đào tạo của khoa dần đi vào ổn định và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện; thực hiện giảng dạy cho 07 Lớp, và 100% giáo viên trong khoa dạy đủ và vượt giờ. 01 nhà giáo tham gia thi giáo viên giỏi cấp trường.

Kết quả xếp loại thi đua của đơn vị: tại thời điểm đánh giá Trường chưa thực hiện xếp loại các đơn vị.

(1.2.03 - Báo cáo tổng kết các năm học từ 2020-2021, 2021- 2022 của khoa; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 , 2021 của Nhà trường; 1.2.04- các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2020, 2021; 1.2.05 - Các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2020, 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần kinh phí. Ngoài kinh phí cấp hàng năm cho đào tạo, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí và dịch vụ khác. Hàng năm trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo và nguồn ngân sách nhà nước cấp, để có các nguồn thu khác đáp ứng cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định định mức chi tối thiểu cho một người học (*1.3.01 - Quyết định mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường; 1.3.02 Báo cáo nghiên cứu để đưa ra định mức chi*). Từ đó có cơ sở xây dựng mức thu cho phù hợp (*1.3.03 – Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021;*). Quyết định này qui định mức thu học phí các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021 - 2022. Năm 2021, nhà trường ra quyết định mức thu học phí năm học 2021-2022 cho phù hợp với quy định mới của nhà nước (*Quyết định mức thu học phí năm học 2021-2022*). Mức thu được xây dựng trên cơ sở xác định chi phí đào tạo bình quân cho 1 học sinh (*chi phí Giáo viên, chi phí vật tư, tiêu hao điện năng và các chi phí khác*) sau khi trừ đi chi phí bình quân 1 học sinh từ nguồn ngân sách cấp và dịch vụ khác.

Định mức chi tối thiểu cho một người học được tính cụ thể cho từng ngành nghề và cấp đào tạo. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo (*1.3.04- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020, 2021*) như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng số chi cho đào tạo	21.637.000	17.342.000	18.918.000
2	Số học sinh bình quân	1.376	1.341	1.394
3	Chi bình quân/HS/năm	15.724	12.932	13.571

Trong báo cáo tài chính, các khoản chi không thể tách riêng cho từng ngành nghề đào tạo, nhưng với mức chi bình quân hàng năm cho một người học như trên và thực tế định mức chi cho nghề May thời trang /thấp hơn so với các nghề khác. So sánh với mức chi tối thiểu thì mức chi thực tế đảm bảo được chương trình đào tạo.

Trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.

(1.3.01 - Quyết định số 389/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021; 1.3.03 - Báo cáo tài chính các năm 2020, 2021).

Kết luận: Nhà trường đã có nghiên cứu để xác định mức chi tối thiểu cho một người học làm cơ sở xác định mức thu, để đảm bảo nguồn kinh phí để đảm bảo được chất lượng của chương trình đào tạo. Để thực hiện chương trình đào tạo, ngoài nguồn thu từ nguồn ngân sách hàng năm, nhà trường còn có nguồn thu từ học phí của người học và có các hoạt động dịch vụ để tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động đào tạo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm

TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Mở đầu - Khoa May thời trang đã và đang thực hiện đào tạo nghề May, nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng ngành May mặc, cung cấp nhân lực trong khu vực mà cả các địa phương lân cận, đồng thời đáp ứng nhu cầu của HSSV. Nghề mà khoa đang đào tạo đã được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm, Nhà trường xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh và đào tạo của các ngành, nghề theo nhu cầu của xã hội. Công tác tuyển sinh được thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh của Nhà trường, theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được Trường xây dựng, ban hành và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học.

Các môn học, modul mà khoa đang đào tạo đều có CTĐT theo quy định. Các lớp được lập kế hoạch học tập cụ thể từng môn cho học kỳ, năm học. Nhà trường sử dụng sổ sách về dạy học và quản lý đào tạo theo quy định như : Sổ lên lớp, Lịch giảng dạy, Giáo án, sổ tay giáo viên, sổ điểm ... Định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo các trình độ. Nhà trường ban hành các quy định về công tác quản lý đào tạo, tổ chức thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, cấp văn bằng chứng chỉ cho học sinh, sinh viên, có báo cáo đánh giá, giám sát quá trình thực hiện.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy được toàn thể viên chức, giáo viên trong khoa tích cực thực hiện. Trong quá trình đào tạo, để tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV, khoa đã thực hiện chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho các hình thức, phương thức đào tạo. Nhà trường đã chỉ đạo giảng dạy theo hướng lấy HSSV làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của học sinh, sinh viên; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HSSV.

** Những điểm mạnh*

Nghề May mà khoa đang đào tạo được Tổng cục GDNN cấp giấy phép, 100% có Chương trình đào tạo, có Giáo trình và tài liệu phục vụ quá trình giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh, sinh viên.

Hàng năm Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh phù hợp với đối tượng, khu vực và theo đúng quy định. Công tác tuyển sinh hàng năm đạt chỉ tiêu mà Hội đồng tuyển sinh Nhà trường đề ra.

Có hệ thống phòng học, xưởng thực hành tích hợp đảm bảo tiêu chuẩn, với đầy đủ vật tư, nguyên vật liệu cho sinh viên vừa học lý thuyết và thực hành, rèn luyện kỹ năng theo đúng triết lý trong đào tạo nghề là “đi từ cái tay đến cái đầu”. Tổ chức đào tạo theo mô đun, giảng dạy lý thuyết gắn liền với rèn luyện kỹ năng, tay nghề, thực tập kết hợp với sản xuất và kinh doanh dịch vụ, khả năng làm việc nhóm, tác phong công nghiệp...

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường đã có sự liên kết chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua việc cử HSSV đi thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp.

Công tác kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động đào tạo được thực hiện nghiêm chấp hành cách ghi sổ và loại giấy tờ theo quy định. Công tác tổ chức thi tốt nghiệp, cấp phát văn bằng chứng chỉ theo quy định. Ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào giảng dạy cũng như tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo.

** Những tồn tại:*

Không có.

+ Kế hoạch nâng cao chất lượng.

Nhà trường căn cứ vào nhu cầu người học, điều kiện thực tế của nhà trường để điều chỉnh quy mô tuyển sinh cho phù hợp; Mở rộng đối tượng tuyển sinh; tăng số lượng đào tạo sơ cấp để đáp ứng nhu cầu của người học; Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo bên cạnh tổ chức đào tạo theo niên chế

Khoa Máy thời trang tích cực triển khai công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học và quản lý, sử dụng hiệu quả; Triệt để áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đào tạo và nghiệp vụ quản lý đào tạo.

Tích cực mở rộng quan hệ doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nội dung, công việc của doanh nghiệp để nhà giáo và người học có điều kiện tiếp cận với công việc thực tế tại doanh nghiệp và các công nghệ mới, thiết bị mới của ngành Máy mặc.

Điểm đánh giá tiêu chí 2.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2020 – 2021; 2021 – 2022 Căn cứ vào thông tư 07/2019/TT – BLĐT BXH, Thông tư 05/2021/TT - BLĐT BXH để phù hợp với tình hình thực tế tuyển sinh của Trường, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐT BXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề May thời trang (*2.1.01 - Quy chế tuyển sinh của nhà trường từ năm 2020 - 2022*).

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh (*2.1.02 – Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020 – 2021, 2021 - 2022*), thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh gồm ban thư ký, ban tư vấn tuyên truyền tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc và thực hiện Tuyển sinh trong năm học (*2.1.03 - Quyết định thành lập hội đồng Tuyển sinh*). Căn cứ vào báo cáo kết quả tuyển sinh, hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ nhập học, nhà trường lập danh sách nhập học và ban hành quyết định phân lớp (*2.1.04 – Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2020 -2021, 2021- 2022; 2.1.05- Quyết định công nhận trúng tuyển năm 2020 -2021, 2021- 2022 hệ trung cấp; 2.1.06 - Báo cáo công tác tuyển sinh; 2.1.07 - Hồ sơ tuyển sinh các năm từ 2020 - 2021. 2021 - 2022*).

Mọi thông tin về công tác tuyển sinh được đăng tải trên trang Web của Trường, trên đài truyền thanh của huyện.

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường phân bổ cho nghề tính căn cứ giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu thực tế của người học, cụ thể như sau:

Năm học 2020 - 2021: 90 học sinh

Năm học 2021- 2022: 125 học sinh

(1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNĐKHD-TCDN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15a/2017/GCNĐKBS-TCDN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15b/2017/GCNĐKBS-TCDN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15c/2017/GCNĐKBS-TCDN;

Kết quả tuyển sinh trong các năm học như sau:

Năm học 2020 - 2021: 90 học sinh, đạt 100%.

Năm học 2021-2022: 107 học sinh, đạt 86%.

(2.1.08 - Quyết định biên chế các lớp, danh sách học sinh các lớp nghề May thời trang)

Trường có khảo sát cán bộ viên chức và học sinh sinh viên về công tác tuyển sinh. Kết quả khảo sát cho thấy:

Năm 2020:

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến cán bộ quản lý							
1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm		16	100	0	0	0	0
2. Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định		15	93.7	2	6.3	0	0

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
3. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		15	93.7	2	6.3	0	0
II. Ý kiến nhà giáo							
1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm		35	97.2	1	2.8	0	0
2. Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định		33	91.6	3	8.4	0	0
3. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		35	94	1	6	0	0
III. Ý kiến HSSV-485							
1. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		467	96.5	18	3.5	0	0

Năm 2021

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến cán bộ quản lý							

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm		24	100	0	0	0	0
2. Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định		22	91.6	2	8.4	0	0
3. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		23	95.8	1	4.2	0	0
II. Ý kiến nhà giáo							
1. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm		45	90	5	10	0	0
2. Thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định		48	96	2	4	0	0
3. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		47	94	3	6	0	0
III. Ý kiến HSSV							
1. Công tác tuyển sinh thực hiện nghiêm túc, công bằng và khách quan		530	96.3	20	3.7	0	0

(2.1.09 - Phiếu khảo sát).

Đối chiếu các số liệu trên với hướng dẫn tại công văn 454/CV - TCGDNN về chỉ tiêu tuyển sinh, trường đạt chỉ tiêu tuyển sinh tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ, Phòng đào tạo tham mưu với Ban giám hiệu nhà trường để xây dựng quy chế đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường *(2.2.01 - Quy chế đào tạo của Trường CDN KTCN)*. Việc tổ chức quá trình đào tạo được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo bao gồm quyết định phân lớp, phân nghề Hiệu trưởng đã phê duyệt, phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo xây dựng đối với nghề may thời trang, khoa may thời trang lập kế hoạch phân công giảng dạy cho các giáo viên trong khoa theo thời khoá biểu của phòng Đào tạo theo từng học kỳ, từng môn học/mô đun theo các giờ học lý thuyết, thực hành; thời gian, thời lượng giảng dạy; địa điểm giảng dạy phù hợp với MH/MĐ *(2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm học từ năm 2020 - 2021, 2021 - 2022)*. Cụ thể: các môn học lý thuyết bố trí học tại các phòng học lý thuyết có trang bị đầy đủ các điều kiện ánh sáng, quạt mát, màn hình/máy chiếu, có lắp Camera theo dõi việc thực hiện giảng dạy. Đối với MĐ tổ chức đào tạo tại các phòng thực hành chuyên môn nghề, có đầy đủ các điều kiện trang thiết bị, vật tư vật liệu thực hành theo yêu cầu quy định trong từng mô đun, từng bài tích hợp, thực hành. Mỗi nhà giáo đều được phân công giảng dạy MH/MĐ trước thời gian giảng dạy tiến hành chuẩn bị hồ sơ giảng dạy theo quy chế đào tạo.

Số lượng các lớp nghề may thời trang trong các năm học như sau:

Năm học 2020- 2021: Tổ chức đào tạo 05 lớp Trung cấp May thời trang khóa 13, 14.

Năm 2021 - 2022: Tổ chức đào tạo 07 lớp Trung cấp May thời trang khóa 14, 15.

Khoa kết hợp với phòng đào tạo thực hiện thanh, kiểm tra công tác đào tạo, thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà giáo và người học *(2.2.03 - Kế hoạch giáo viên các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022; 2.2.05. Lịch giảng dạy của giáo viên; 2.2.06. - Quyết định giáo viên chủ nhiệm; 2.2.07 - Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo từ năm học 2020-2021, 2021 - 2022; 2.2.08- Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo từ năm 2020 -2021, 2021-2022)*

Hàng năm theo kế hoạch của trường, khoa đều tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và người học nghề May thời trang việc thực hiện các hoạt động dạy và học thông qua các cuộc họp của đơn vị và phiếu khảo sát đối với người học, Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

Năm học 2020 – 2021:

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến nhà giáo							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		3	75%	1	25%	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		4	100%	0	0	0	0
II. Ý kiến HSSV							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		25	93%	2	7%	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		26	96%	1	4%	0	0

Năm học 2021– 2022:

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến nhà giáo							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		3	100%	0	0	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		3	100%	0	0	0	0
II. Ý kiến HSSV							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		27	93%	2	7%	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		28	96%	1	5%	0	0

(2.2.09 - Các biên bản họp của khoa; 2.1.09 - Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa May thời trang đã thực hiện đúng thời lượng, thời gian, phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Theo quy định tại thông tư 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ lao động thương binh xã hội, chương trình đào tạo nghề May thời trang được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành: Chương trình Trung cấp có số lượng 66 tín chỉ, tỷ lệ phân bổ thời gian lý thuyết/thực hành là xấp xỉ 30/70; mặt khác các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp. *(1.1.04- Quyết định ban hành chương trình nghề may thời trang năm 2017, chương trình chi tiết kèm theo).*

Để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của người học, trong quá trình giảng dạy nhà giáo của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực hướng tới người học: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; giao bài tập áp dụng để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao tác làm mẫu. Đồng thời phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học; Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại phòng học. Các bài tập thực hành đều chia nhóm để người học luyện tập. Các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao, đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập *(2.2.07 - Hồ sơ giảng dạy của nhà giáo).*

Nhà trường, Khoa, cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học. *(2.3.01 – Các phiếu đánh giá bài giảng nhà giáo khoa may thời trang).*

Quá trình thực tập, nhà trường cũng triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm để người học rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp người học rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn của người học *(2.3.02 - Báo cáo thực tập của người học).*

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học, các nhà giáo của khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng. Toàn bộ các bộ chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo của nghề May thời trang đều được cập nhật lên thư viện điện tử

của trường. Việc số hóa trong quản lý đào tạo đã được nhà trường đặc biệt chú trọng, đã áp dụng phần mềm quản lý chương trình đào tạo. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Eduman 7.0.0.11, phần mềm có các chức năng: Tuyển sinh, xét tuyển, phân lớp; Quản lý học sinh, sinh viên; Quản lý chương trình đào tạo; Quản lý thời khóa biểu và tiến độ giảng dạy; Quản lý đào tạo; Quản lý điểm; Quản lý học phí; Quản lý bằng cấp và Các chức năng khác, mô đun/môn học, điểm *(2.3.02 –Phần mềm quản lý đào tạo Eduman- địa chỉ truy cập:)*.

Nghề May thời trang có tổng số 17 MH/MĐ cơ sở, chuyên môn nghề trong đó có 14/17 MH/MĐ có sử dụng các phần mềm dạy học đạt 82% *(2.3.03 – Các phần mềm dạy học nghề May thời trang)*.

Kết quả khảo sát trực tiếp từ người học đều nhận được sự đánh giá phương pháp đào tạo phù hợp nội dung chương trình đào tạo với trình độ năng lực của người học, Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau..

Năm 2020

Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nội dung khảo sát						
Ý kiến HSSV	26	96%	1	4%	0	0

Năm 2021

Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Nội dung khảo sát						

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Ý kiến HSSV		27	93%	2	7%	0	0

(2.3.04 –Phiếu khảo sát người học).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2điểm

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp có tuần thực tập doanh nghiệp, thời gian thực tập được bố trí sau khi kết thúc học các môn học, môn chuyên môn nghề, trước khi thi tốt nghiệp. Quy trình đưa học sinh đi thực tập như sau: Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo; căn cứ vào các biên bản, hợp đồng đã có với doanh nghiệp, phòng Quan hệ doanh nghiệp, phòng Đào tạo, khoa May thời trang phối hợp xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho sinh viên. Sau khi có kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ ra quyết định cử học sinh đi thực tập tại doanh nghiệp (có danh sách kèm theo). Kèm theo quyết định cử học sinh, sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp là quyết định cử giáo viên đi hướng dẫn học sinh, sinh viên tại doanh nghiệp. Căn cứ nội dung chương trình đào tạo, giáo viên xây dựng đề cương thực hành, thực tập doanh nghiệp, hướng dẫn học sinh sinh viên. Nghề May thời trang trong các năm học 2020 – 2021, 2021 – 2022 Trường tổ chức được 2 khóa đào tạo khóa 13, 14.

Khóa 13 (02 lớp) theo kế hoạch đào tạo đi thực tập tốt nghiệp: Lớp TC May 13 đi thực tập từ 01/6/2021 – 23/7/2021; Lớp TC May 13 Lục Nam đi thực tập từ 07/06/2021 đến 31/07/2021

Trong năm 2021 do ảnh hưởng dịch Covid nên Khoa không thể tổ chức cho học sinh khóa 13 đi thực tập tại doanh nghiệp do các doanh nghiệp đều phải đóng cửa. Trước tình hình trên, để đảm bảo tiến độ đào tạo, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp, Nhà trường đã tổ chức hướng dẫn học sinh thực tập tại xưởng thực hành nghề May tại trường theo những nội dung đề cương thực tập tại doanh nghiệp. Ngoài các nhà giáo của khoa có nhiệm vụ hướng dẫn học sinh thực tập, Trường đã mời 02 chuyên gia có kinh nghiệm tại Công ty may An Thắng tham gia hướng dẫn học sinh thực tập.

(2.4.01- Kế hoạch thực tập thực tập tốt nghiệp; 2.4.02 - Các quyết định thực tập và danh sách các lớp kèm theo; 2.4.03 - Hợp đồng với chuyên gia hướng dẫn thực tập).

Khóa 14 (03 lớp) theo kế hoạch đào tạo sẽ đi thực tập tốt nghiệp: lớp TC May 14 đi thực tập từ 20/6/2022 – 26/8/2022 tại công ty TNHH FOB GARMENTS- Số 128, ngõ Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội; Lớp TC May 14 Tân Yên đi thực tập từ 20/6/2022 – 26/8/2022 ; Lớp TC May 14 Lục Nam đi thực tập từ 20/6/2022 – 26/8/2022. Cả 2 lớp đi thực tập tại công ty may An Thắng Cụm công nghiệp Nguyên Khê- Đông Anh- Hà Nội.

Kết thúc các đợt thực tập học sinh sinh viên làm báo cáo quá trình thực tập có nhận xét GV quản lý *(2.4.04 - Báo cáo thực tập của học sinh.)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.

Căn cứ quy chế đào tạo, căn cứ vào quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập và các quy trình đánh giá trường ban hành, sau khi kết thúc từng môn học mô đun và sau khi kết thúc khóa học, theo kế hoạch đào tạo của trường, Khoa May thời trang đã tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập theo đúng quy định.

Thi kết thúc môn học, mô đun.

Tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ do giáo viên giảng dạy môn học thực hiện, số giờ được quy định cụ thể trong chương trình môn học, mô đun và được quy định trong Quy chế đào tạo theo niên chế Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ ban hành kèm theo QĐ số 272/ QĐ – CĐNKTCN ngày 20/9/2017 *(2.2.01. Quy chế đào tạo theo niên chế)* và Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ *(2.5.01 - Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ. Ban hành kèm theo QĐ số 362/ QĐ - CĐNKTCN ngày 04/12/2017).*

Tổ chức thi kết thúc MĐ/MH: căn cứ tiến độ đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu lịch tổ chức thi, BGH phê duyệt lịch thi kết thúc MĐ/MH *(2.5.02- Lịch thi kết thúc MĐ/MH).*

Khoa phân công giáo viên biên soạn, in ấn đề thi, khoa và phòng chức năng phê duyệt đề thi kết thúc MĐ/MH *(2.5.03 - Biểu mẫu đề thi, Mẫu chấm điểm thi kết thúc MĐ/MH).*

Tổ chức coi thi gồm 02 giáo viên, chấm thi kết thúc MĐ/MH do 02 giáo viên chấm và đọc phách, ghép phách theo đúng Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 10, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập sinh viên đạt hay không đạt. Kết quả điểm thi kết thúc MĐ/MH được thông báo cho người học biết *(2.5.04 - Bài thi kết thúc MH/MĐ; bảng điểm thi kết thúc MĐ/MH).*
Về việc tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp đối với từng khóa học *(2.5.05 - Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp).*

Căn cứ kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp, Nhà trường giao phòng Đào tạo tham mưu thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp, thành phần hội đồng có đại diện khoa may thời trang *(2.5.06 - Quyết định thành lập Hội đồng thi và Các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp và Ban giám sát thực hiện tổ chức thi tốt nghiệp các năm học 2020 – 2021, 2021- 2022).*

Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định ở tất cả các khâu: xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, tổ chức ra đề thi, tổ chức coi thi, tổ chức chấm thi, công bố điểm, phúc khảo *(2.5.07 - Các biên bản làm việc của Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc các năm 2022).*

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp, kết quả học tập, rèn luyện của toàn khóa học. Phòng Đào tạo tham mưu trình Hội đồng thi tốt nghiệp tổ chức xét công nhận kết quả tốt nghiệp

và xếp loại/hạng kết quả học tập, tốt nghiệp cho người học đúng quy định *(2.5.08 - Báo cáo kết quả tốt nghiệp; 2.5.9 - Quyết định công nhận tốt nghiệp 2022 nghề may thời trang)*.

Riêng đối với công tác tổ chức thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Ban Giám sát Hội đồng thi tốt nghiệp có nhiệm vụ giúp Hội đồng thi tốt nghiệp giám sát kỳ thi tốt nghiệp. Kết quả đánh giá: công tác thi, xét công nhận tốt nghiệp đảm bảo khách quan, công bằng và đúng quy định *(2.5.10 - Báo cáo kết quả giám sát kỳ thi tốt nghiệp các năm 2022)*.

Để cụ thể hơn các bước thực hiện và đơn vị thực hiện, cụ thể hóa biểu mẫu thực hiện, Nhà trường ban hành bộ quy trình đảm bảo chất lượng, trong đó có quy trình tổ chức thi kết thúc MĐ/MH; quy trình thi tốt nghiệp, quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình cấp văn bằng chứng chỉ *(2.5.11 - Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp)*.

Nhà trường đã xây dựng Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV dựa theo thông tư TT.17/2017/LĐTB&XH, việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của Khoa *(2.5.12 - Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022)*.

Cấp văn bằng chứng chỉ.

Hoạt động cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học thời điểm hiện tại của Nhà trường gồm: cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bảng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, Nhà trường đã xây dựng quy trình cấp văn bằng chứng chỉ dựa vào thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát. Việc cấp phát bằng, chứng chỉ đảm bảo đúng quy định, khách quan, công bằng. Đơn vị đầu mối quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ là phòng Đào tạo và phòng CTHSSV *(2.5.13 - Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm 2020, 2021; 2.5.14 - Báo cáo về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ các năm 2020, 2021; 2.5.15 - Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ)*.

Có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Hồ sơ học sinh sinh viên từ hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ dữ liệu học tập cá nhân được Nhà trường lưu trữ đầy đủ theo quy định, đảm bảo bảo khoa học, chính xác, tiện tra cứu. Cụ thể bao gồm: Sơ yếu lý lịch, Học bạ THPT, Bằng tốt nghiệp THPT, Giấy chứng nhận đủ sức khỏe, 04 ảnh thẻ, Giấy chuyển SH Đoàn, sổ đoàn (nếu có), Giấy chứng nhận các chế độ chính sách (nếu có). *(2.5.16 – Hồ sơ học sinh sinh viên)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, đầu năm học Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của các khoa.

Phòng Đào tạo và Khoa kiểm tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động dạy và học của các Thầy/Cô và học sinh, sinh viên trong khoa. Từng học kỳ sẽ có kế hoạch kiểm tra toàn diện các hoạt động bao gồm hoạt động dạy và học của nhà giáo và SV đảm bảo đúng kế hoạch đã được phê duyệt (*2.6.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2020-2021, 2021 - 2022*).

Sau mỗi lần kiểm tra, Phòng Đào tạo và Khoa đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó nêu lên những điểm đạt và những điểm chưa đạt trong quá trình dạy và học.

Kết quả kiểm tra hoạt động dạy và học đối với khoa May thời trang năm học 2020 – 2021, năm học 2021 – 2022 cho thấy các tiêu chí kiểm tra khoa đều đạt kết quả ở mức cao. Tuy nhiên để nâng cao chất lượng dạy, học Khoa đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý, khai thác sử dụng các phòng học chuyên môn, bổ sung thiết bị dạy học; tăng cường công tác quản lý lớp học, chấp hành giờ giấc của nhà giáo, học sinh; cập nhật các văn bản, sổ sách theo dõi tài sản của khoa.

(2.6.02 - Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2020 - 2021; 2021 – 2022; 2.6.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm trong đó có nghề may thời trang)

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nội dung: **Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

Năm 2020:

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến cán bộ quản lý							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		14	87.5	2	12.5	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		15	93.7	1	6.3	0	0
II. Ý kiến nhà giáo							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		34	94.4	2	5.6	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		33	91.6	2	8.3	0	0

Năm 2021

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
I. Ý kiến cán bộ quản lý							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		23	95.8	1	4.2	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		22	88	2	12	0	0

Nội dung khảo sát	Mức độ đánh giá	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
II. Ý kiến nhà giáo							
1. Thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học		47	94	3	6	0	0
2. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học theo đề xuất		48	96	2	4	0	0

(2.1.09 – Phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 02 điểm.**

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Căn cứ giấy phèo đăng ký hoạt động GDNN, Trường được phép đào tạo nghề May thời trang các cấp trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng. Tuy nhiên hiện nay, Trường không có sinh viên đăng ký học hệ cao đẳng nghề May thời trang, do đó trường chỉ duy trì đào tạo nghề may thời trang trình độ trung cấp với đối tượng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở. Trường có xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 306/QĐ-CĐNKTCN ngày 30/10/2019. Hàng năm trường đều có tổ chức tuyển sinh học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, tuy nhiên số học sinh đăng ký rất ít. Năm học 2020 – 2021 có 02 học sinh đăng ký; năm học 2021 – 2022 có 02 học sinh đăng ký). Trường vẫn bố trí tiếp nhận đào tạo cho các học sinh có nguyện vọng học liên thông).

(1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHHĐ-TCDN; 2.7.01 – Chương trình đào tạo liên thông; 2.7.02 – Kế hoạch tuyển sinh hàng năm; các thông báo tuyển sinh; 2.7.03 – Quyết định biên chế học sinh liên thông; Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu; kế hoạch giáo viên; 2.7.04 – Hồ sơ sinh viên học liên thông).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên; căn cứ hướng dẫn tại Công văn 454/2019/CV-TCGDNN, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm**

TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Hiện tại, Khoa may thời trang có tổng số 03 nhà giáo. 100% nhà giáo, cán bộ quản lý của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề theo quy định; Khoa có đủ số lượng nhà giáo giảng dạy các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề May thời trang đáp ứng yêu cầu giảng dạy; Tỷ lệ nhà giáo/người học quy đổi đều đạt chỉ tiêu quy định (18,5 và 19,1)

Khoa May thời trang và các cá nhân đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Hàng năm đều có trên 30% nhà giáo tham gia các hoạt động như: Hội giảng nhà giáo giỏi cấp trường

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức nghiệp vụ thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn; hàng năm 100% nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề đều tham gia thực tập tại các doanh nghiệp lĩnh vực may thời trang.

**** Những điểm mạnh***

Trong các năm từ 2020 đến 2022, 100% nhà giáo, cán bộ quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ.

100% nhà giáo, cán bộ quản lý của khoa đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề theo quy định;

**** Điểm tồn tại:*** Không có

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng***

Nhà trường và Khoa hỗ trợ mọi điều kiện tốt nhất để các giáo viên học tập nâng cao chuyên ngành, ngoại ngữ thông thạo, nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển trường thành Trường trọng điểm, tiếp cận trình độ khu vực và Quốc tế.

Khoa thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn và trao đổi phương pháp giảng dạy trong từng nội dung chuyên môn; đẩy mạnh áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Nhà trường và Khoa tập trung rà soát, quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý ở vị trí lãnh đạo khoa, thư ký khoa hoặc cán bộ kế cận học sau đại học, ngoại ngữ thông thạo, và các kỹ năng về quản lý.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được thể hiện qua các số liệu cụ thể như sau:

Năm học 2020 - 2021:

Số nhà giáo tham giảng dạy chương trình nghề May thời trang: 12 nhà giáo, 11 cơ hữu và 01 giáo viên thỉnh giảng. Trong đó:

Tổ chức giảng dạy 06 môn học chung: 08 nhà giáo

Tổ chức giảng dạy môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn: 04 nhà giáo.

Trình độ chuyên môn: 03 Thạc sỹ, 09 Cử nhân.

Tin học: 12/12 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định

Ngoại ngữ: 12/12 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định

Nghiệp vụ sư phạm 12/12 đạt trình độ sư phạm theo quy định

Kỹ năng nghề: 4/4 nhà giáo, trong đó: 03 nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3; 01 nhà giáo có thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề Quốc gia (nhà giáo Đào Thị Thủy).

Năm học 2021 - 2022:

Số nhà giáo tham giảng dạy chương trình nghề May thời trang: 14 nhà giáo. Trong đó: 09 GV cơ hữu, 05 GV thỉnh giảng

Tổ chức giảng dạy 06 môn học chung: 07 nhà giáo

Tổ chức giảng dạy môn học, mô đun cơ sở và chuyên môn: 07 nhà giáo.

Trình độ chuyên môn: 01 tiến sỹ; 04 Thạc sỹ, 09 cử nhân.

Tin học: 12/12 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Ngoại ngữ: 12/12 nhà giáo đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Nghiệp vụ sư phạm 12/12 đạt trình độ sư phạm theo quy định.

Kỹ năng nghề: 7/7 nhà giáo, trong đó: 06 nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3; 01 nhà giáo có thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề Quốc gia (nhà giáo Đào Thị Thủy).

100% nhà giáo giảng dạy ở trình độ trung cấp đều đáp ứng 3 tiêu chuẩn về năng lực phát triển nghề nghiệp quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH: Học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ; phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học; nghiên cứu khoa học (các số liệu và minh chứng tại tiêu chuẩn 3.2).

(3.1.01 - Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề may thời trang; 2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm học từ năm 2020 đến 2022; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên các năm học từ 2020-2022).

Trường thực hiện khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung: **nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

(3.1.02 - Báo cáo kết quả khảo sát, các phiếu khảo sát)

Trường nhận định: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề May thời trang đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đúng theo Quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm.**

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Thông tư số 07/ 2017/TT –BLĐTĐBXH, ngày 10/3/2017 về việc Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường ban hành chế độ làm việc của Nhà giáo *(3.2.01- Quy chế nhà giáo GDNN trường CDN KTCN; 3.2.02-Quyết định về việc quy định thì giờ nghỉ ngơi của công chức, viên chức, người lao động trường CDN KTCN).* Căn cứ chế độ làm việc của nhà giáo, khoa phân công nhiệm vụ cho từng nhà giáo phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị:

Nhiệm vụ giảng dạy:

100% nhà giáo Khoa May thời trang đều được phân công giảng dạy. Trong những năm gần đây, do số học sinh sinh viên đăng ký học nghề May cao hơn do vậy các nhà

giáo của khoa đều giảng dạy đạt và vượt giờ tiêu chuẩn. *(2.2.02 - Kế hoạch giáo viên, 2.2.03. Thời khóa biểu).*

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy đối với toàn thể giáo viên trong đơn vị còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ cụ thể: Thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý tài sản cơ sở vật chất, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuyển sinh, tham gia hội giảng giáo viên các cấp, nghiên cứu khoa học, xây dựng chương trình, giáo trình, chuyển giao công nghệ, thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp... *(2.2.05. - Quyết định giáo viên chủ nhiệm; 3.2.03 - Quyết định giao quản lý thiết bị cho giáo viên).* Hàng năm Khoa đã xây dựng kế hoạch hội giảng các cấp, kế hoạch tham gia nghiên cứu khoa học của đơn vị và yêu cầu 100% giáo viên tham gia *(3.2.04. Bảng tổng hợp giờ giảng năm học từ 2020 – 2021 đến 2021 - 2022; 3.2.05 - Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường;*

Kết thúc năm học nhà trường có văn bản hướng dẫn khoa chuyên môn tổ chức họp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH nhiệm vụ nhà giáo. Kết quả xếp loại nhà giáo của khoa như sau:

NĂM HỌC 2020-2021

11/11 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy nghề May thời trang xếp loại HTTốt NV trở lên

NĂM HỌC 2021 – 2022

09/09 nhà giáo tham gia giảng dạy nghề xếp loại HTTốt NV trở lên

(3.2.06 – Kết quả xếp loại lao động nhà giáo 2020 - 2021; 2021 - 2022, 3.2.07 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo; 3.2.08 - Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa năm học 2020 - 2021; 2021 - 2022).

Trên cơ sở hoạt động chuyên môn của đơn vị cuối năm khoa thực hiện báo cáo tổng kết và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho những năm tiếp theo và căn cứ vào báo cáo tổng kết của khoa nhà trường tổ chức tổng kết năm học để đánh giá, tổng kết những việc đã làm được những mặt còn tồn tại hạn chế đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo *(1.2.02 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 - 2021; 2021 - 2022 của khoa; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 - 2021; 2021 - 2022 của nhà trường).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp.

Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ trung cấp có tổng số 24 MH/MĐ với tổng khối lượng tương ứng 1660 giờ. Trong đó, khối lượng các môn học chung là 255 giờ; khối lượng các môn học, mô đun cơ sở, chuyên môn là 1005 giờ (không tính giờ các MĐ thực tập). Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo của Nhà trường từng học kỳ, khoa May thời trang thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các môn học, mô đun đảm bảo không bị chồng chéo hoặc trùng giáo viên. Các số liệu cụ thể thống kê theo từng năm học như sau:

Năm học 2020 - 2021: 12 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 08 lớp với tổng số giờ 2648 (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 10 nhà giáo cơ hữu là 618 giờ.; số giờ hợp đồng của 02 nhà giáo thỉnh giảng là 455gio

Năm học 2021 - 2022: 14 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 09 lớp với tổng số giờ 4614 (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 09 nhà giáo cơ hữu là 618 giờ; số giờ hợp đồng của 05 nhà giáo thỉnh giảng là 863

Các số liệu thống kê các năm học cho thấy, số giờ giảng dạy thực tế của các nhà giáo chưa vượt quá số giờ tiêu chuẩn quy định. Trường tự đánh giá, tất cả các MĐ/MH nghề May thời trang trường bố trí đủ nhà giáo đứng lớp.

(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên; 2.2.03 - Thời khóa biểu; 2.2.04 - Lịch giảng dạy của giáo viên; 3.3.01 - Danh sách nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun năm học 2020 - 2021; 2021- 2022; 3.2.04 - Bảng thống kê giờ giảng nhà giáo các năm học;

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Tỷ lệ số người học/lớp:

Biên chế số lớp theo quyết định mở lớp của Hiệu trưởng nhà trường đối với nghề May thời trang các năm học như sau:

Năm học 2020 – 2021

TT	Khóa học	Lớp	Số Lượng HS
		Trong trường	

1	Khóa 12	TC may 12	20
		Ngoài trường	
		TC May L.Nam	27
		TC May Lục Ngạn	23
2	Khóa 13	Trong trường	
		TC may 13	16
		Ngoài trường	
		TC May L.Nam	30
3	Khóa 14	Trong trường	
		TC may 14	25
		Ngoài trường	
		TC May Tân Yên	33
		TC May L.Nam	32
	Tổng	08	206

Năm học 2021 – 2022

TT	Khóa học	Lớp	Số Lượng HS
1	Khóa 13	Trong trường	
		TC may 13	16
		Ngoài trường	
		TC May L.Nam	30
2	Khóa 14	Trong trường	
		TC may 14	25
		Ngoài trường	
		TC May Tân Yên	33
		TC May L.Nam	32
3	Khóa 15	Trong trường	
		TC May 15	24
		Ngoài trường	
		TC May Tân Yên	30

		TC May L.Nam	24
		TC May L.Ngạn	29
	Tổng	09	243

(2.1.07 - Quyết định biên chế các lớp học sinh của các năm học năm học 2020-2021; 2021 - 2022)

Trường đảm bảo số người học/ lớp của nghề May thời trang theo quy định. tại điều 2 khoản 4 Thông tư 07/2017/TT - BLĐTBXH Quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (35 sinh viên /lớp lý thuyết; 18 sinh viên/ca thực tập).

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo /người học:

Năm học 2020 - 2021:

Tổng số học sinh: 206; tổng số học sinh quy đổi: 195,8

Tổng số nhà giáo: 12 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 10.6

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo /người học:18.5

Năm học 2021 - 2022:

Tổng số học sinh: 243; tổng số học sinh quy đổi: 229,2

Tổng số nhà giáo: 14 người; tổng số nhà giáo theo tỷ lệ quy đổi: 12

Tỷ lệ quy đổi nhà giáo /người học:19,1

(3.3.02 – Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học).

Căn cứ nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ tỷ lệ quy đổi nhà giáo/người học nghề May thời trang đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhanh chóng tạo được uy tín đối với xã hội và thương hiệu của nhà trường, một trong những giải pháp cơ bản mang tính nội sinh là đẩy mạnh các hoạt động NCKH, tích cực tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm, huấn luyện học sinh giỏi của đội ngũ nhà giáo theo hướng thiết thực và hiệu quả. Hàng năm căn cứ vào kế

hoạch của trường, khoa triển khai đến các giáo viên tự đề xuất nội dung đề tài nghiên cứu khoa học, kế hoạch cá nhân tham gia hội giảng, làm thiết bị tự làm.

Các số liệu cụ thể như sau:

+ Năm học 2020-2021: 100% nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường,

Nội dung hội thi nhà giáo	Số lượng	Tỉ lệ%
Hội giảng cấp khoa	03	100%
Hội giảng cấp trường	01	33%

+ Năm học 2021-2022: 100% nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 01 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường,

Nội dung hội thi nhà giáo	Số lượng	Tỉ lệ%
Hội giảng cấp khoa	03	100%
Hội giảng cấp trường	01	33%

(3.4.01– Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường; 3.4.02 - Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường,

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đội ngũ viên chức, người lao động của khoa được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Nhà trường. Tính đến hết năm học 2021 -2022, tổng số đội ngũ viên chức, người lao động của khoa gồm: người 03 *(3.5.01- Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của trường).*

Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện đội ngũ nhà giáo trong khoa được định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo quy định ở nhiều nội dung, hình thức khác nhau: tập huấn công tác tổ chức cán bộ, Kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho cán bộ, nhà giáo; Quản lý cơ sở đào tạo, ứng dụng CNTT, Ngoại ngữ, Quản lý sử dụng tài sản thiết bị, Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghề, chuyên giao công nghệ thiết bị...

Kết quả thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo của khoa trong các năm từ 2020 đến 2022 như sau:

Năm học 2020 - 2021: - Lớp quản lý giáo dục nghề nghiệp

Năm học 2021 - 2022: - Lớp bồi dưỡng kỹ năng dạy học online...

(3.5.02 – Kế hoạch học tập bồi dưỡng của đơn vị; 3.5.03– Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng 3.5.04 - Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng).

Trường có nội dung khảo sát hàng năm liên quan đến công tác đào tạo bồi dưỡng nhà giáo.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3 : 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, là nhiệm vụ bắt buộc theo Thông tư số [07/2017/TT-BLĐTBXH](#) ngày 10/3/2017 Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy, Khoa chuyên môn và nhà giáo chủ động xây dựng kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo. Nhà trường có công văn, quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung thực tập tại doanh nghiệp cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới; thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp; tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp nơi giáo viên thực tập. Đây là cơ hội tốt giúp cho đội ngũ giáo viên có cơ hội học hỏi, tiếp cận với kỹ thuật công nghệ mới, trao đổi kiến thức, thâm nhập vào thực tế sản xuất của ngành nghề ngoài xã hội để bổ sung kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Năm học 2020 – 2021, mặc dù ảnh hưởng của dịch Covid nhưng khoa vẫn duy trì thời gian thực tập doanh nghiệp đối với 03 nhà giáo cơ hữu của nghề may thời trang. Cụ thể: 03 nhà giáo thực tập sản xuất tại Công ty may An Thắng – Cụm công nghiệp Nguyên Khê- Đông Anh- Hà Nội.

Năm học 2021 – 2022: 3/3 nhà giáo thực tập tại doanh nghiệp:02 nhà giáo thực tập tại Công ty TNHH tạp phẩm và may mặc PC. Địa chỉ: Thôn Hòe Nha, xã Thụy Chính, Thái Thụy, Thái Bình.

Địa điểm thực tập tại nhà máy: Lô 3 – 4 KĐT Hà Hương, Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội.
;01 nhà giáo thực tập tại công ty TNHH FOB GARMENTS- Số 128, ngõ Lĩnh Nam, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

(3.6.01 – Kế hoạch thực tập của khoa; 3.6.02 -Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp;3.6.03 – Báo cáo thực tập của các nhà giáo).

Trường có khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của cán bộ, nhà giáo Nhà trường hàng năm về nội dung thực tập của nhà giáo tại doanh nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ vào Điều lệ trường cao đẳng quy định về chuẩn chức danh cán bộ quản lý; Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ. Nhà trường đã bổ nhiệm cán bộ quản lý cho khoa May thời trang. Tính đến thời điểm hiện tại Khoa có 01 đồng chí Trưởng khoa:

Trưởng khoa: Đào Thị Thủy. Quyết định bổ nhiệm số 02/QĐ-CĐNKTCN ngày 02/01/2020. Nhà giáo Đào Thị Thủy có 23 năm giảng dạy, có trình độ Đại học chuyên ngành SPKT Công nghiệp của Trường Đại học SPKT Hưng Yên cấp. Chứng chỉ Quản lý Giáo dục nghề nghiệp;, chứng chỉ tin học B, Trình độ ngoại ngữ C (tiếng Anh), Đánh giá viên KNN quốc gia nghề May thời trang.

Đối chiếu với các điều kiện tiêu chuẩn thì nhà giáo Đào Thị Thủy đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

(3.7.01 - Hồ sơ nhà giáo Đào Thị Thủy).

Khoa May thời trang không có nhân viên nghiệp vụ. Khoa phân công nhà giáo Phùng Thị Nụ kiêm nhiệm thư ký khoa.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, quy định nhiệm vụ của Trưởng khoa như sau:

- Phụ trách chung, quản lý toàn diện đơn vị; Tổ chức các hoạt động của Khoa theo chức năng, nhiệm vụ quy định;
- Phụ trách công tác xây dựng kế hoạch, chương trình, giáo trình, quy hoạch và phát triển khoa;
- Phụ trách công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch nhân lực giáo viên đáp ứng nhu cầu đào tạo của Khoa;
- Phụ trách công tác tổng kết, báo cáo, chủ trì phối hợp về đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo;
- Tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng phương pháp dạy học mới, công tác bồi dưỡng đội ngũ
- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công;
- Được giảm 25% khối lượng giờ giảng.
- Phụ trách công tác giáo viên, trực tiếp theo dõi việc thực hiện quy chế giảng dạy, chấp hành các nội quy, quy định của giáo viên và học sinh;
- Phụ trách công tác thiết bị, vật tư; công tác thực tập kết hợp sản xuất và dịch vụ;
- Tổ chức nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và khai thác đồ dùng phương tiện dạy học;

Trưởng khoa Đào Thị Thủy đã thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ được giao. Kết quả xếp loại của tập thể khoa May thời trang và Trưởng khoa Đào thị Thủy như sau:

+ Năm 2020: Khoa May thời trang đạt danh hiệu thi đua: Tập thể lao động tiên tiến; Trưởng khoa Đào Thị Thủy xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến.

+ Năm 2021: Khoa May thời trang đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến; Trưởng khoa Đào Thị Thủy xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến.

(3.8.01 - Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ; 3.8.02 - Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2020, 2021; 3.8.03 - Biên bản phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2020, 2021; 3.8.04 - Biên bản bình xét thi đua của khoa

năm 2020, 2021; 3.8.05 - Quyết định phân loại CC, CV, NLĐ của trường năm học 2020, 2021 3.8.06 - Quyết định công nhận thi đua khen thưởng của trường năm học 2020, 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm.

TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình

Mở đầu:

Chương trình đào tạo nghề May thời trang Trình độ Trung cấp được xây dựng trên cơ sở Khung chương trình do Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội ban hành, được Nhà trường chỉnh sửa, bổ sung nhằm mục tiêu đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ Trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề May thời trang có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng vào công việc thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình xây dựng nhà trường đặc biệt quan tâm việc chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, trường đã mời các chuyên gia đến từ các công ty tham gia góp ý, tổ chức tham khảo ý kiến của giáo viên, học sinh sinh viên, người học đã tốt nghiệp để có cơ sở chỉnh sửa chương trình cho phù hợp.

**** Những điểm mạnh:***

Chương trình đào tạo nghề May thời trang Trình độ Trung cấp của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy trình xây dựng, biên soạn khoa học, có sự tham gia, đóng góp của chuyên gia và doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, được thiết kế phù hợp với nhu cầu đào tạo cũng như thực tế sản xuất của địa phương, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp;

Chương trình đào tạo được xây dựng với cấu trúc chương trình hợp lý, phù hợp với nhiều đối tượng người học, được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung theo định kỳ từng năm học;

Giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn, đánh giá cập nhật theo quy định, có đủ tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo cho từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

* *Những tồn tại:* Trường chưa có văn bản của Trường đại học chấp nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được miễn trừ khi học liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định.

* *Kế hoạch:* Trường cần tiếp tục triển khai đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, cụ thể: Trường cần có văn bản thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường; Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2
Cộng	22

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Xây dựng chương trình đào tạo:

Công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ Trung cấp của nghề may thời trang được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng. Đề cụ thể hóa những nội dung liên quan đến công tác xây dựng chương trình đào tạo, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế, năm 2017 Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo ***(4.1.01: Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo)***. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập các Ban chủ nhiệm xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, các tổ biên soạn, các Hội đồng thẩm định.

Bộ chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề may thời trang được xây dựng năm 2017. Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình nghề May thời trang gồm 07 thành viên. Trong đó thành phần gồm có 05 giáo viên nghề May thời trang của trường của trường; đại diện của 02 đơn vị sử dụng lao động. bà Đào Thị Thủy – Trưởng khoa May thời trang là chủ nhiệm xây dựng chương trình.

Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng hướng dẫn như: Xây dựng chương trình theo mẫu quy định tại các phụ lục 01, 02, 03, 04 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình, giáo trình nghề May thời trang.

Biên bản các cuộc họp của Ban chủ nhiệm, Hội đồng xây dựng chương trình được thực hiện theo mẫu biểu ban hành kèm theo của Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo của Trường và được lưu trữ trong hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo.

(4.1.02: Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ nghề May thời trang độ trung cấp năm 2017; 4.1.03- Các biên bản họp về nội dung xây dựng chương trình)

Hội đồng thẩm định gồm 11 thành viên, do ông Nguyễn Đức Bình - Phó Hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng; thành phần hội đồng có 02 nhà giáo nghề May thời trang của 02 trường trên địa bàn thành phố Hà Nội là ủy viên phản biện; 02 chuyên gia đến từ các đơn vị sử dụng lao động; 01 đại diện của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; một số

thành viên đến từ các trường đại học, cao đẳng. Tất cả các thành viên của Hội đồng thẩm định không nằm trong danh sách của Ban chủ nhiệm.

4.1.04: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề May thời trang; 4.1.05 - Các bản đóng góp ý kiến của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình).

Các chương trình đào tạo sau khi xây dựng đã được Hội đồng thẩm định đóng góp ý kiến tại hội thảo do trường tổ chức. Các thành viên Hội đồng thẩm định đã gửi văn bản đến các tổ biên soạn để làm cơ sở tiếp thu, chỉnh sửa. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng nhà trường đã ra các quyết định ban hành để chương trình được kịp thời đưa vào sử dụng từ năm học 2017 – 2018.

(4.1.06 - Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt).

Năm 2020, Trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình trung cấp nghề May thời trang. Trường đã thành lập ban chủ nhiệm, hội đồng thẩm định và thực hiện rà soát chương trình đúng theo quy trình đã xây dựng. Sau khi rà soát, điều chỉnh, Hiệu trưởng nhà trường đã ký quyết định ban hành và đưa vào sử dụng từ năm học 2020 – 2021.

(4.1.07 – Hồ sơ rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trung cấp nghề May thời trang năm 2020; 4.1.08 – Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

*** Điểm tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm**

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT -BLĐTBXH ngày 01/3/2017 [Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng](#), Nhà trường thành lập ban xây dựng chương trình; Hội đồng thẩm định nghề May thời trang. Nhà trường mời 02 chuyên gia từ 02 đơn vị sử dụng lao động tham gia ban chủ nhiệm xây dựng chương trình:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy – Công ty TNHH VTT Garment.

2. Ông Đoàn Năng Lợi – Công ty TNHH may Đức Giang.

02 chuyên gia tham gia Hội đồng thẩm định (2/11 thành viên) gồm:

1. Ông Ngô Văn Việt – Công ty TNHH may An Thắng.
2. Ông Bùi Trung Dũng – Công ty may X19 – Bộ Quốc phòng.

(4.1.02: Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ nghề May thời trang trình độ trung cấp năm 2017; 4.1.04: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề May thời trang năm 2017).

Các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp tham gia Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định rà soát, chỉnh sửa chương trình nghề May thời trang trình độ trung cấp năm 2020:

Ban chủ nhiệm:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy – Công ty TNHH VTT Garment.
2. Ông Đoàn Năng Lợi – Công ty TNHH may Đức Giang.

Hội đồng thẩm định:

1. Ông An Hùng Thắng – Giám đốc Công ty TNHH may An Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Huệ - Công ty may Elise.

(4.1.07 – Hồ sơ rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trung cấp nghề May thời trang năm 2020).

Quá trình xây dựng chương trình, Trường đã thực hiện khảo sát một số doanh nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp được khảo sát đều đánh giá chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ *(4.2.01- Các phiếu khảo sát)*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề May thời trang được xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình trung cấp, độ cao đẳng. Khi xây dựng chương trình, trường đã căn cứ vào chuẩn đầu ra của nghề May thời trang ban hành căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH.

Vì vậy, chương trình đào tạo đã đáp ứng các quy định trong hai văn bản trên về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Cụ thể:

Về khối lượng kiến thức:

Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp gồm 66 tín chỉ. Thời gian đào tạo là 2 năm; Khối lượng kiến thức lý thuyết là 371/1.314 giờ chiếm 28,2%; khối lượng kỹ năng thực hành là 943 chiếm 71,8%, còn lại là thời gian kiểm tra, thi kết thúc MH/MĐ.

(4.3.01- Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp nghề May thời trang, kèm theo quyết định ban hành; 4.1.08 – Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt).

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề May thời trang thuộc các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)
1	2020	8	7	87,5%	1	12,5%	0	0
2	2021	10	8	80%	2	20%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 4.3, Chương trình đào tạo trình độ trung cấp cũng như chương trình môn học, chương trình mô đun chi tiết của nghề May thời trang được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại phụ lục 01, 02,03 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Vì vậy Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

Về phân bổ thời gian:

Chương trình Trung cấp gồm 24 môn học, mô đun; Chương trình quy định rõ thời gian thực học toàn khóa, trong đó, chương trình TC bao gồm:

Khối lượng kiến thức toàn khóa học gồm 66 tín chỉ.

Khối lượng các môn học chung gồm 255 giờ được bố trí học ngay học kỳ đầu tiên của khóa học.

Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn gồm 1.405 giờ, trong đó các môn học/ mô đun cơ sở là 180 giờ được bố trí học tiếp ở cuối kỳ 1 và kỳ 2 của khóa học. Khối lượng lý thuyết 371 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 943 giờ được học vào kỳ 3 và kỳ 4 của khóa học.

Thời gian học tập của từng môn học mô đun trong chương trình cũng được phân bổ rất cụ thể theo 3 nội dung:

Lý thuyết ; Thực hành/thực tập/ thí nghiệm/Bài tập, thảo luận ;Thi/Kiểm tra

Trình tự thực hiện các môn học, mô đun:

Các môn học, mô đun được phân bổ theo trình tự quy định tại phụ lục 01 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục 3. Nội dung chương trình được sắp xếp theo thứ tự:

- I. Các môn học chung: Gồm 6 môn học chung
- II. Các môn học, mô đun chuyên môn.
 - II.1. Các môn học/mô đun cơ sở: 06 môn học, mô đun.
 - II.2. Các môn học/mô đun chuyên môn: 12 môn học, mô đun.

Nội dung chương trình đào tạo nghề May thời trang của Nhà trường đã được ban hành đều thể hiện rõ sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học đảm bảo không vi phạm điều kiện tiên quyết thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Trình tự thực hiện các mô-đun, môn học được quy định rất rõ trong từng Chương trình chi tiết môn học trong mục "Vị trí môn học/mô đun" thể hiện rất rõ môn học/mô đun được bố trí song song hoặc học trước, học sau môn học/mô đun nào trong CTĐT

(4.1.08 – Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt).

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề May thời trang thuộc các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp..** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:...

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)
1	2020	8	6	75%	2	25%	0	0
2	2021	10	8	80%	2	20%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Yêu cầu về cơ sở vật chất trong chương trình đào tạo:

Căn cứ mẫu quy định tại phụ lục 02, phụ lục 03 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học/mô đun có quy định rõ các nội dung: Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ,

nguyên vật liệu; các điều kiện khác. Căn cứ vào các nội dung quy định, đối với từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề May thời trang đều thể hiện được những yêu cầu về cơ sở vật chất cụ thể:

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng. Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng
- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Yêu cầu về giáo viên.
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô đun/môn học

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề may thời trang của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề May thời trang trình độ Trung cấp ban hành theo Thông tư số .../2019/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề May thời trang. Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đối tượng liên quan khi xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề May thời trang đã thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng.

(4.1.08 - Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt).

Căn cứ vào số giờ thực tế phân bổ cho từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo; căn cứ vào vị trí, tính chất của từng mô học mô đun (các môn học chung; môn học/mô đun cơ sở; môn học/mô đun chuyên môn nghề) Khoa sẽ tính toán, *dự trù vật tư cho các môn học, mô đun theo kỳ, giáo viên giảng dạy được cấp vật tư trước khi thực hiện và phân loại vật tư trả về phòng TTSX sau khi kết thúc môn học, mô đun nhằm mục đích sàng lọc vật tư có thể tái sử dụng.* Khoa dự kiến số lượng giáo viên phù hợp (theo chuyên ngành đào tạo của giáo viên) để xây dựng kế hoạch giáo viên cho từng học kỳ, năm học.

(2.2.03 - Kế hoạch giáo viên; 2.2.04 - Thời khóa biểu; 2.2.05 - Lịch giảng dạy của giáo viên).

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề May thời trang thuộc các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương**

trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
			Nhà giáo	(%)	Nhà giáo	(%)	Nhà giáo	(%)
1	2020	8	6	75%	2	25%	0	0
2	2021	10	9	90%	1	10%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

- Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Trong chương trình đào tạo nghề May thời trang, nội dung và phương pháp đánh giá được quy định cụ thể tại mục V trong các chương trình môn học, mô đun chi tiết. Trong đó:

Nội dung đánh giá bao gồm: Kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Phương pháp đánh giá: Thực hiện đánh giá theo quá trình. Kết thúc các nội dung chương đối với các môn lý thuyết; bài đối với các mô đun thực hành, trong chương trình đào tạo đều có quy định số giờ kiểm tra/thi. Kết thúc môn học/mô đun, trong chương trình đào tạo đều có quy định thời gian thi/kiểm tra.

Hình thức thi/kiểm tra: Đối với nội dung đánh giá năng lực kiến thức của người học, chương trình quy định hình thức thi/kiểm tra viết hoặc vấn đáp. Các bài thi viết kết hợp cả phương pháp trắc nghiệm và tự luận. Đối với nội dung thi thực hành, yêu cầu người học hoàn thành một sản phẩm theo nội dung đã luyện tập trong bài học; hoàn thành sản phẩm tổng hợp đối với bài thi kết thúc mô đun. Nội dung bài thi, trong thang điểm,

ngoài nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng còn quy định điểm đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học. Các nội dung đánh giá về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người học đều dựa trên mục tiêu của từng bài học, mục tiêu của từng môn học/mô đun làm cơ sở xác định năng lực của người học sau khi học xong môn học, mô đun.

Đối với nội dung thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: Thi kết thúc ngay sau khi kết thúc môn học, mô đun, điểm thi được lưu trên bản cứng và điểm thi nhập vào phần mềm quản lý đào tạo. Có kế hoạch thi, học lại.

Đối với nội dung thi tốt nghiệp:

- HSSV phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

Các hình thức thi có thể áp dụng:

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian
1	Chính trị	- Viết - Trắc nghiệm	90' 45'
2	Thi kiến thức, kỹ năng:		
2.1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	- Viết/ Trắc nghiệm. - Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (<i>chuẩn bị 40 phút và trả lời 20 phút</i>)
2.2	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành: Kỹ năng tổng hợp để hoàn thành sản phẩm đạt trình độ TCN	Không quá 8 giờ

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định .

(4.01.06 - Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.6.01 - Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ; 4.6.02 - Các bộ đề thi tốt nghiệp).

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề may thời trang thuộc các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp**

đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

. Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)
1	2020	8	7	87,5%	2	12,5%	0	0
2	2021	10	8	80%	2	20%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo qui định về điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo của nhà trường. Hàng năm, Phòng Đào tạo và các khoa chịu trách nhiệm rà soát bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo của Trường nhằm phù hợp với kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình đào tạo cho các nghề của Trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp và tuân thủ đúng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2017 và tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh vào năm 2020. Thành phần các ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo, thành viên tham gia đóng góp ý kiến và thành viên hội đồng thẩm định ngoài cán bộ, nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đều có thêm thành phần là cán bộ tại các doanh nghiệp sản xuất dịch vụ nhằm đảm bảo chương trình đào tạo của Trường tiếp cận được yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước phù hợp với

kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (4.1.02: Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo trình độ nghề May thời trang trình độ trung cấp ; 4.1.04: Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề may thời trang).

Hiện nay tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp may. Để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, hầu hết các doanh nghiệp đều có xu hướng đầu tư các thiết bị mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ 4.0, vì vậy để đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp, ngoài việc đào tạo công nhân có kỹ năng nghề cơ bản, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh chương trình theo hướng cập nhật kỹ thuật công nghệ trong lĩnh vực may thời trang. Qua các ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị liên quan khi xây dựng chương trình đào tạo thì Chương trình đào tạo nghề đã xây dựng một số môn học/mô đun như: Thiết kế trang phục 3; Giác sơ đồ trên máy tính; may váy, áo váy ...có nội dung phù hợp với công nghệ sản xuất thời trang hiện nay, để đảm bảo phù hợp với xu hướng thời trang của các đối tượng khác nhau.

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề May thời trang thuộc các trường, trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ..** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2020	8	6	75%	2	25%	0	0
2	2021	10	8	80%	2	20%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 02 điểm**

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích nhận .

Căn cứ hướng dẫn tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐBXH, Chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ trung cấp được xây dựng định hướng liên thông giữa 2 cấp trình độ sơ cấp - trung cấp. Trường có chương trình cao đẳng nghề May thời trang được xây dựng liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng gồm tổng số 31 MH/MĐ với thời gian đào tạo 2,5 năm *(4.1.06 - Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.8.01 – Bộ Chương trình cao đẳng nghề may thời trang kèm theo Quyết định phê duyệt,*

Về chương trình liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học:

Trường chưa phối hợp với các trường đại học để xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Trường tự đánh giá tiêu chuẩn không đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề May thời trang có 100% giáo trình cho các môn học, mô đun để phục vụ cho quá trình giảng dạy cũng như học tập của giáo viên và học sinh của các hệ đào tạo trung cấp, hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng. Bộ giáo trình gồm:

Chương trình đào tạo trình độ trung cấp có 17 Giáo trình, tương ứng với 17 MH/MĐ trong chương trình đào tạo *(không tính các môn học chung; MĐ thực tập tốt nghiệp).*

Chương trình liên thông từ trung cấp lên cao đẳng có 10 bộ giáo trình tương ứng với 10 MH/MĐ trong chương trình đào tạo.

100% giáo trình nghề May thời trang đều do tiểu ban biên soạn của trường xây dựng. Trường không sử dụng các giáo trình lựa chọn của các trường bạn *(4.9.01 – Quyết định ban xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.02- Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Việc xây dựng giáo trình đào tạo cho trình độ Trung cấp được thực hiện theo đúng Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành giáo trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ TC. Nội dung cụ thể thuộc nội hàm tiêu chuẩn này tương tự như đã mô tả nội hàm tiêu chuẩn 4.1. Vì vậy ở tiêu chuẩn này Trường chỉ bổ sung minh chứng thuộc nội hàm tiêu chuẩn này đối với nghề May thời trang trình độ trung cấp. Giáo trình được biên soạn theo mẫu tại phụ lục 5 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(4.1.02 - Quyết định thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề May thời trang trình độ trung cấp; 4.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo May thời trang trình độ trung cấp ; 4.9.01 - Hồ sơ thẩm định giáo trình; 4.9.02 - Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định

Các bộ giáo trình của nghề May thời trang được xây dựng theo mẫu tại phụ lục 05 (giáo trình môn học/mô đun) kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong từng chương/bài đều chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được. Trên cơ sở mục tiêu đề ra, nội dung giáo trình ở từng chương, bài trong mô đun, môn học được cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đề ra.

Nội dung kiến thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với đối tượng đào tạo. Các nội dung từng bài trong các MH/MĐ chuyên môn nghề đều có hình vẽ rõ ràng và chỉ dẫn cụ thể giúp người đọc dễ hình dung. Các nội dung kiến thức lý thuyết của các mô đun chủ yếu chỉ đề cập đến những kiến thức liên quan cần thiết để thực hiện công việc. Các nội dung kỹ năng được trình bày dưới dạng trình tự thực hiện các công việc theo các bước cụ thể. Cuối mỗi bài đều có các bài tập thực hành, bài tập thực hành nâng

cao để người học áp dụng. Các bài tập mẫu được trình bày chi tiết để người học dễ vận dụng nội dung lý thuyết vào thực hành. Có các yêu cầu về đánh giá kết quả thực hiện công việc theo bài tập để người học căn cứ vào đó thực hiện.

Với kết cấu nội dung giáo trình như vậy, các giáo trình của nghề May thời trang đã được xây dựng theo hướng nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp với đối tượng đào tạo; giáo viên khi giảng dạy dễ áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, người học chủ động trong việc thực hiện các bài tập thực hành theo nội dung trình tự được thể hiện rõ trong các bài của giáo trình.

Một số giáo trình mô đun được hội đồng thẩm định đánh giá đạt chất lượng tốt về nội dung và phương pháp thể hiện.

(4.9.01 - Hồ sơ thẩm định giáo trình; 4.9.02 - Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang).

Trường thực hiện khảo sát một số nhà giáo nghề May thời trang thuộc các trường, trên địa bàn thành phố Hà Nội về nội dung: **Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.** . Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số nhà giáo tham gia khảo sát	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
			Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)	Số lượng Nhà giáo	Tỉ lệ (%)
1	2020	8	6	75%	2	25%	0	0
2	2021	10	8	80%	2	20%	0	0

(4.3.02 – Các phiếu khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo, phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Toàn bộ các mô đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề May thời trang của trường có giáo trình giảng dạy. Các giáo trình được xây dựng đã thực hiện theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Giáo trình được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và sự khảo sát trong thực tế về công nghệ lĩnh vực may thời trang. Quá trình biên soạn, góp ý và thẩm định giáo trình ngoài sự tham gia của các cán bộ, nhà giáo trong các cơ sở GDNN còn có sự tham gia của các đại diện doanh nghiệp (*4.9.01 - Hồ sơ thẩm định giáo trình; 4.9.02 - Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang*). Trong các nội dung góp ý, phản biện của Hội đồng đều đánh giá các giáo trình nghề May thời trang của trường hiện nay phù hợp với công nghệ lĩnh vực May thời trang ở thời điểm hiện nay. Khi điều chỉnh chương trình đào tạo, Trường đều điều chỉnh đồng bộ các giáo trình với nội dung tương ứng.

Hàng khóa, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm về chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề May thời trang nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay (*4.2.01 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Khoa May thời trang được nhà trường đầu tư xây dựng các phòng học, xưởng thực hành chuyên môn, cùng với các thiết bị, cơ sở vật chất đầy đủ đáp ứng tốt cho đào tạo nghề May thời trang. Các phòng học, xưởng thực hành phù hợp với quy hoạch chung của nhà trường và mạng lưới các cơ sở dạy nghề. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các hoạt động dạy nghề.

Những điểm mạnh:

Nghề May thời trang là một nghề mới trong số những nghề đang đào tạo của nhà trường. Trang thiết bị của Nghề May thời trang do ngân sách nhà trường chi đầu tư. Năm 2022, được Bộ lao động thương binh xã hội quan tâm đầu tư theo gói cho các nghề không trọng điểm.

Những điểm tồn tại:

- Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng:

- Tiếp tục bổ sung thêm số lượng các thiết bị đáp ứng đào tạo, số lượng tuyển sinh học sinh sinh viên tăng lên hàng năm.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02

Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Khoa may thời trang được bố trí học tập tại khu B của trường. Ngoài ra, Trường còn có một số lớp đào tạo tại 03 cơ sở (Trường thuê địa điểm đào tạo) là Trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp huyện Tân Yên – Bắc Giang; Trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp huyện Lục nam – Bắc Giang; Trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp huyện Lục Ngạn – Bắc Giang

Đối với các lớp đào tạo tại Trường:

Các môn học lý thuyết các môn học chung, môn học kỹ thuật cơ sở được học chung tại các phòng học lý thuyết, nhà 4 tầng. Các phòng học lý thuyết có diện tích từ 50 m² đến 100m². Các phòng học được thiết kế 1 hoặc 2 cửa ra vào theo qui chuẩn, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bục giảng giáo viên được bố trí ngăn nắp, khoa học và đảm bảo khoảng cách qui định, hệ thống thông gió, ánh sáng, phòng cháy chữa cháy của phòng học theo qui chuẩn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và phù hợp với số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Bên cạnh đó mỗi phòng học đều được trang bị lắp đặt hệ thống máy chiếu đa năng phục vụ công tác giảng dạy.

Năm 2020, căn cứ Thông tư 26/2019/TT- BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề May thời trang trình độ trung cấp tại phụ lục 28a, Trường đã tiến hành

bổ sung thiết bị, sắp xếp lại các phòng học chuyên môn. Trường tổng hợp các phòng học chuyên môn nghề May thời trang tại bảng tổng hợp sau:

BẢNG THỐNG KÊ CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG NGHỀ MAY THỜI TRANG

STT	PHÒNG CHỨC NĂNG	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	MÔN HỌC/ MÔ ĐUN ĐÀO TẠO	GHI CHÚ
1	Phòng Kỹ thuật cơ sở	01	50m ²	Các MH/MĐ cơ sở nghề.	
2	Phòng thực hành máy vi tính	01		Tin học cơ sở; VKT ngành may; Giác sơ đồ trên máy tính.	Dùng chung với phòng Tin học ứng dụng ngành may.
3	Phòng ngoại ngữ	01		Tiếng Anh.	Dùng chung các nghề.
4	Phòng Thiết kế	01		VKT ngành may; Nhân trắc học; Cơ sở thiết kế trang phục; Thiết kế trang phục 1, 2; Thiết kế mẫu công nghiệp;	
5	Phòng thực hành may cơ bản	01	100m ²	May áo sơ mi; may quần Âu Nam, nữ; Thiết bị may; May áo Jắc két; May áo váy, váy; May các sản phẩm nâng cao.	Sử dụng máy may 01 kim để may các sản phẩm.
6	Phòng thực hành may chuyên dụng	01		May áo sơ mi; may quần Âu Nam, nữ; Thiết bị may; May áo Jắc két; May áo váy,	Sử dụng các thiết bị may chuyên dụng để may các sản phẩm.

				váy; May các sản phẩm nâng cao.	
--	--	--	--	---------------------------------	--

(5.1.01 - Hồ sơ xây dựng các khối công trình; 5.1.02 - Danh sách các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo nghề May thời trang; 5.1.03 - Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng)

Đối với các cơ sở đào tạo ngoài trường:

Tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên Huyện Tân Yên, Lục Nam, Lục Ngạn thuộc tỉnh Bắc Giang, mỗi cơ sở trường sử dụng 01 phòng học lý thuyết để giảng dạy các môn học chung, môn học cơ sở. Phòng có trang bị máy chiếu, diện tích 48m² đáp ứng yêu cầu đào tạo 35 học sinh/lớp; 02 phòng thực hành:

1. Phòng thực hành May cơ bản diện tích 60m² có trang bị 30 máy với các chủng loại: Máy may 01 kim; máy Vắt sủ; Máy đính cúc; máy thừa khuy.
 2. Phòng Thiết kế: Sử dụng cho các MH/MĐ thiết kế; diện tích 48m².
- Các phòng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo 18 học sinh/ca thực tập.

(5.1.04 – Danh mục thiết bị tại các cơ sở đào tạo ngoài trường; 5.1.05- Hợp đồng thuê địa điểm đào tạo; Quyết định giao quản lý tài sản tại các cơ sở).

Đối chiếu với quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH nhận thấy hệ thống phòng học lý thuyết và thực hành tại đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Hệ thống PCCC:

Hệ thống PCCC của tòa nhà 4 tầng tại khu B của Trường được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu về PCCC, hệ thống máy bơm đặt ngay cạnh bể nước trung tâm tầng 1 của nhà trường có thể tích hơn 100m³, hệ thống ống dẫn nước, các họng nước cứu hỏa, các bình chữa

cháy được bố trí hợp lý theo đúng thiết kế. *(5.1.6 - Hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống PCCC khu B)*

Cơ quan chức năng có thẩm quyền thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy trong trường. Kết quả kiểm tra năm 2020, 2021, 2022 về hệ thống phòng cháy chữa cháy đều đảm bảo an toàn theo đúng quy định. Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị PCCC *(5.1.7 - Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2019 - 2021)*.

Hệ thống điện:

Để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng phục vụ cho nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt từ lưới điện quốc gia, nhà trường đã xây dựng và lắp đặt 2 trạm biến áp riêng (một trạm cho tại khu B, một trạm tại khu A), các trạm được thiết kế, xây dựng đảm bảo công suất (trạm biến áp khu B có công suất ...KVA), hệ thống an toàn, theo tiêu chuẩn qui định và được các cơ quan chức năng phê duyệt, thẩm định, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Hệ thống truyền tải, cung cấp điện từ trạm biến áp đến các khu vực phục vụ trong khoa được thiết kế, xây dựng bằng hệ thống dây cáp điện đi chìm đảm bảo an toàn. Hệ thống điện trong xưởng thực hành nghề may thời trang gồm hệ thống điện chiếu sáng sử dụng các đèn Huỳnh quang; hệ thống điện động lực cấp ra các ổ cắm 1 pha, 3 pha sử dụng cho các thiết bị may. Hệ thống điện được thiết kế lắp đặt an toàn, đảm bảo đủ ánh sáng và thuận tiện trong quá trình sử dụng,

(5.1.8 - Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện).

Hệ thống cấp nước:

Hệ thống cấp nước cho học tập, thực hành và sinh hoạt tại các xưởng thực hành của nghề May thời trang được thiết kế đảm bảo theo các quy định trong TCVN 4513 *(Lưu lượng cho nhu cầu học tập và thực hành; lưu lượng cho nhu cầu sinh hoạt ở các nhà học, xưởng thực hành và khu nội trú được đảm bảo theo qui định thiết kế)*. Hệ thống cấp nước sạch của thành phố Hà Nội được đầu nối trực tiếp với bể chứa trung tâm có thể tích hơn 100m³ và trạm bơm để bơm nước sinh hoạt lên các bể chứa trên tòa nhà 4 tầng cho các

phòng học của 2 khoa Công nghệ thông tin và Máy thời trang..Đồng thời cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường. Nước dùng chung cho sinh hoạt, học tập, thí nghiệm và thực hành được thiết kế lắp đặt với đường ống nước sạch của nhà trường, đảm bảo an toàn. Hệ thống nước thải của nhà trường được thiết kế và xây dựng đúng theo các tiêu chuẩn của nhà nước, nhà trường không có nước thải độc hại xả ra môi trường.*(5.1.09 - Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp, thoát nước của nhà trường; 5.1.10- Các hợp đồng cung cấp nước).*

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: **Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
I Nhà giáo, CBQL												
1	2019	34					2	5.9	2	5.9	30	88.2
2	2020	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
3	2021	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
4	2022	33					1	3.0	1	3.0	31	93.9
II Người học												
1	2019	36					0	0	3	8.33	33	91.67
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					0	0	4	16.67	20	83.33
4	2022	40					0	0	4	10	36	90

(5.1.11 – kết quả khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp nghề May thời trang trình độ trung cấp điều chỉnh năm 2020 của trường gồm 17 môn học, mô đun chuyên môn nghề (5.2.1- Bộ chương trình nghề May thời trang kèm theo quyết định phê duyệt).

Căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Khoa may thời trang tổng hợp chủng loại thiết bị theo quy định trong các môn học, mô đun thuộc chương trình đào tạo gồm có 98 chủng loại thiết bị.

Căn cứ quy định tại thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH về quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề May thời trang tại phụ lục 28a đối chiếu với chủng loại thiết bị Trường hiện có được thống kê theo các phòng chức năng như sau: (số liệu thống kê tất cả chủng loại thiết bị đang sử dụng tại trường và 03 địa điểm đào tạo ngoài trường).

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LƯỢNG CHUNG LOẠI THIẾT BỊ DẠY NGHỀ HIỆN CÓ CỦA NGHỀ MAY THỜI TRANG VỚI DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THÔNG TƯ 26/2019/TT-BLĐTBXH

STT	TÊN CÁC PHÒNG THEO THÔNG TƯ 26/2019/TT-BLĐTBXH	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ THEO THÔNG TƯ 26/2019/TT-BLĐTBXH	TÊN CÁC PHÒNG, TRƯỜNG HIỆN CÓ	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ TRƯỜNG HIỆN CÓ	GHI CHÚ
1	Phòng Kỹ thuật cơ sở	11	Phòng Kỹ thuật cơ sở	11	
2	Phòng thực hành máy vi tính	11	Phòng thực hành máy vi tính	11	
3	Phòng ngoại ngữ	9	Phòng ngoại ngữ	9	

4	Phòng Thiết kế	24	Phòng Thiết kế	24	
5	Phòng thực may cơ bản	18	Phòng thực may cơ bản	18	
6	Phòng thực hành may chuyên dụng	25	Phòng thực hành may chuyên dụng	25	
TỔNG		98		98	

Đối chiếu hai số liệu thiết bị hiện có của trường và thiết bị nghề tối thiểu theo thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH Khoa May thời trang có đủ các chủng loại thiết bị để đáp ứng yêu cầu đào tạo (*5.2.02 - Hồ sơ quản lý thiết bị của trường, khoa; 5.2.03 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề May thời trang với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH;*).

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: **Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	2019	34					1	2.9	1	2.9	32	94.2
2	2020	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
3	2021	33					2	6.1	1	3.0	30	90.9
4	2022	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9

(5.1.11 – kết quả khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 02điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 5.2, nghề May thời trang của trường đáp ứng chủng loại thiết bị đào tạo có trong Chương trình đào tạo các môn học cơ sở, môn chuyên môn nghề. Căn cứ vào chủng loại và số lượng thiết bị, Khoa may thời trang bố trí trang thiết bị phục vụ đào tạo, đặc biệt các thiết bị đào tạo chính phục vụ học sinh rèn luyện kỹ năng nghề theo 06 phòng học chức năng phù hợp với nội dung chuyên môn của các MH/MĐ. Trường thống kê số lượng thiết bị theo các phòng chức năng như sau: (số liệu thống kê tất cả số lượng thiết bị đang sử dụng tại trường và 03 địa điểm đào tạo ngoài trường).

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LƯỢNG THIẾT BỊ DẠY NGHỀ HIỆN CÓ CỦA NGHỀ MAY THỜI TRANG VỚI DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THÔNG TƯ 26/2019/TT-BLĐTBXH

TT	Tên các phòng theo Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH	Số lượng thiết bị theo Thông tư 26/2019/TT-BLĐTBXH		Tên các phòng, Trường hiện có	Chủng loại thiết bị Trường hiện có	
		Chủng loại	Số lượng		Chủng loại	Số lượng
1	Phòng Kỹ thuật cơ sở	11	11	Phòng Kỹ thuật cơ sở	11	11
2	Phòng thực hành máy vi tính	11	65	Phòng thực hành máy vi tính	11	65
3	Phòng ngoại ngữ	9	45	Phòng ngoại ngữ	9	45
4	Phòng Thiết kế	24	130	Phòng Thiết kế	24	130
5	Phòng thực hành May cơ bản	18	145	Phòng thực hành may cơ bản	18	145
6	Phòng thực hành may	25	121	Phòng thực hành may	25	121

TT	Tên các phòng theo Thông tư 26/2019/TT- BLĐTBXH	Số lượng thiết bị theo Thông tư 26/2019/TT- BLĐTBXH		Tên các phòng, Trường hiện có	Chủng loại thiết bị Trường hiện có	
		Chủng loại	Số lượng		Chủng loại	Số lượng
	chuyên dụng			chuyên dụng		
TỔNG		517			517	

Tính đến tháng 6 năm 2022, số lượng các thiết bị nghề May thời trang thuộc 98 chủng loại hiện có thực tế Trường đang quản lý sử dụng là **517 thiết bị**.

Đối chiếu với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 26/2020/TT-BLĐTBXH Khoa May thời trang đáp ứng đủ số lượng thiết bị theo quy mô, yêu cầu đào tạo.

(5.3.01 – Các bộ chương trình nghề May thời trang kèm theo quyết định phê duyệt; 5.3.02 - Hồ sơ quản lý thiết bị của trường, khoa; 5.3.3 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề May thời trang với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 26/2019/TT – BLĐTBXH; 5.3.4 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề may thời trang năm 2019, 2020,2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

** Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường;*

Nghề May thời trang: Đặc điểm thiết bị May có kết cấu nhỏ đặt trên các bàn thao tác, Với tính chất các thiết bị, máy móc theo đặc thù của nghề, khoa chuyên môn đã phân loại các nhóm thiết bị chính căn cứ vào nội dung CTĐT của các môn học, mô đun chuyên môn nghề để sắp xếp theo hệ thống các phòng thực hành chuyên môn (03 phòng) đủ điều kiện về số lượng và chủng loại thiết bị cho một số mô đun với khả năng đáp ứng tối đa đến 18 học sinh sinh viên/ ca thực tập phù hợp với phương pháp đào tạo tích hợp vừa học lý thuyết vừa thực hành. Căn cứ diện tích phòng học và số lượng trang thiết bị hiện có khoa bố trí phòng học đảm bảo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị là 0,5m; khoảng cách giữa các hàng máy là 0,8m, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển sản phẩm; thực hành; đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, tính thẩm mỹ và tính an toàn, vệ sinh công nghiệp sau mỗi ca thực tập.

Các phòng, xưởng thực hành đều bố trí các tủ đựng đồ dùng, dụng cụ, vật tư, có gắn tem nhãn hướng dẫn chỉ định khu vực nơi để dụng cụ, vật tư, cho nhà giáo và người học trong quá trình học tập. Trên tường được gắn nội qui, khẩu hiệu 5S và một số hình ảnh về an toàn lao động hoặc hình ảnh hoạt động về nghề May. Tất cả các thiết bị đều có nguồn gốc, xuất xứ theo quy định rõ ràng trong quy chế sử dụng quản lý. *(5.4.01 – Sơ đồ bố trí các phòng học; 5.4.02- Bộ ảnh chụp xưởng;)*

** Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

- Nhà trường có quyết định giao quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho từng đơn vị. Khoa May thời trang giao cho các giáo viên giảng dạy trực tiếp quản lý các phòng học chuyên môn. Căn cứ quy định trong Quy chế quản lý tài sản của trường; khoa quy định các giáo viên phụ trách quản lý các phòng học chuyên môn phải đảm bảo đủ các loại hồ sơ quản lý như sau: **Sổ theo dõi tài sản, thiết bị; Sổ bàn giao tài sản, thiết bị,...**

(5.4.03 - Hồ sơ quản lý thiết bị khoa may thời trang; 5.4.04 -Văn bản giao quản lý các phòng học chuyên môn khoa May thời trang; 5.4.05 - Quyết định ban hành quy định về quản lý thiết bị thực hành; 5.4.06 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo).

Việc bố trí các trang thiết bị thành các phòng học theo tính chất chuyên môn hoá phù hợp với nội dung của từng môn học, mô đun chuyên môn đảm bảo đúng công năng sử dụng của trang thiết bị theo mô đun, môn học, phát huy tối đa khai thác hiệu quả nhất trang thiết bị đào tạo hiện có tại đơn vị.

Đối với các thiết bị may, đặc biệt các máy may 01 kim có tần suất làm việc liên tục trong ca thực tập vì vậy chế độ bảo dưỡng thiết bị được khoa chú trọng để đáp ứng điều kiện thực tập của học sinh, hạn chế thấp nhất số lượng thiết bị hư hỏng trong quá trình thực tập. Theo quy định, các thiết bị sau ca thực tập sẽ được lau chùi sạch sẽ, bổ sung đủ dầu máy. Việc bảo dưỡng thiết bị may được nhà trường ký hợp đồng thuê thợ chuyên môn sửa chữa do nhà trường không có thợ chuyên môn sửa chữa thiết bị may. Nội dung hợp đồng là bảo dưỡng định kỳ 6 tháng/lần hoặc sửa chữa đột suất khi thiết bị hư hỏng (*5.2.07 - Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị: Hợp đồng thuê bảo dưỡng; các biên bản nghiệm thu; các biên bản xác định tình trạng hỏng thiết bị*).

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: **Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định..** Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
I Nhà giáo, CBQL												
1	2019	34					1	2.9	1	2.9	32	94.2
2	2020	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9
3	2021	33					1	3.0	2	6.1	30	90.9
4	2022	33					0	0	3	9.1	30	90.9
II Học sinh, sinh viên												
1	2019	36					1	2.778	4	11.11	31	86.11
2	2020	32					0	0	4	12.50	28	87.5
3	2021	24					0	0	2	8.33	22	91.67
4	2022	40					0	0	6	15.00	34	85

(*5.4.8 – kết quả khảo sát*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

** Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện:*

Khoa may thời trang có kho lưu trữ nguyên vật liệu để lưu trữ vật tư, thiết bị, cấp phát cho sinh viên thực tập theo kế hoạch đào tạo của Trường. Vật tư nhập về trường được giao cho Khoa tiếp nhận và sử dụng. Kho có diện tích khoảng 6m². Có tủ bảo quản và có các giá để thiết bị, nguyên vật liệu. Vật tư khoa sử dụng chủ yếu là các loại vải, nguyên phụ liệu của nghề May, được cất giữ trong các tủ, tránh mối mọt, ẩm mốc. Các phòng thực hành chuyên môn đều có các tủ bảo quản vật tư nguyên phụ liệu sử dụng cho các bài thực hành và nguyên vật liệu dôi dư trong quá trình thực tập được thu hồi để tái sử dụng. Nguyên vật liệu tại kho và các phòng thực hành được bố trí, sắp xếp gọn gàng, thuận tiện cho việc sử dụng và bảo quản theo quy định.

**Nguyên nhiên vật liệu được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định.*

Trường có quy trình quản lý, sử dụng vật tư thực hành QT 74. Quy trình gồm 8 bước:

1. Đơn vị sử dụng đề xuất nhu cầu.
2. Đơn vị quản lý lập kế hoạch sử dụng vật tư.
3. Trình lãnh đạo phê duyệt.
4. Cấp vật tư cho đơn vị sử dụng.
5. Đơn vị sử dụng cấp vật tư cho giáo viên giảng dạy, sinh viên thực hành.
6. Sau khi kết thúc thực hành, thu hồi vật tư, sản phẩm thực hành.
7. Đơn vị quản lý lập báo cáo công tác quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư thực hành.
8. Lưu trữ hồ sơ.

Năm 2021, căn cứ hướng dẫn tại **Thông tư 16/2020/TT-BLĐTBXH** quy định về xây dựng, thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong Giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho các nghề đào tạo trong đó có nghề May thời trang. **Căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật đã xây dựng, trường có ban hành Quyết định số 308A/QĐ-CDNKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định cung ứng, quản lý, sử dụng vật tư, dụng cụ và tiêu thụ sản phẩm của Trường CDN Kỹ Thuật Công Nghệ (5.5.01 – Định mức kinh tế kỹ thuật nghề Kỹ thuật nghề May và thời trang; 5.5.02- Quyết định số 308A/QĐ-CDNKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định cung ứng, quản lý, sử dụng vật tư, dụng cụ và tiêu thụ sản phẩm của Trường CDN Kỹ Thuật Công Nghệ)**

Căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo, Khoa may thời trang lập bảng dự trù vật tư tổng hợp theo từng MĐ của năm học. Căn cứ kế hoạch vật tư đã được phê duyệt, phòng Tổ chức hành chính quản trị lập kế hoạch mua sắm, cấp phát vật tư đáp ứng kế hoạch, tiến độ đào tạo.

(5.5.03– Quy trình quản lý, cấp phát vật tư; 5.5.04 - Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo khoa May thời trang).

** Nguyên, nhiên, vật liệu đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Để đảm bảo đáp ứng được kế hoạch, tiến độ đào tạo nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả và tận dụng hiệu quả nguyên, nhiên, vật liệu hiện có, theo quy định giáo viên giảng dạy phải chuẩn bị đề xuất hay dự trù nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho công tác giảng dạy trước thời gian lên lớp khoảng 1 tuần, bởi vậy việc cấp phát sử dụng vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định, đúng quy trình đảm bảo kịp thời, đáp ứng tốt kế hoạch giảng dạy và tiến độ đào tạo. *(5.5.04 - Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học)*

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử

dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. . Trường tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					0	0	3	8.33	33	91.67
2	2020	32					0	0	3	9.38	29	90.625
3	2021	24					0	0	2	8.33	22	91.67
4	2022	40					0	0	4	10	36	90

(5.5.5 – kết quả khảo sát).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Hiện nay tại thư viện có đủ chương trình, giáo trình sách báo, tài liệu chuyên môn phục vụ cho các ngành nghề đang được đào tạo.

Đối với tài liệu của nghề May thời trang có đủ các bộ chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tương ứng với các bộ chương trình đào tạo, thư viện lưu trữ các bộ giáo trình chuyên môn của các môn học mô đun chuyên môn nghề. Bộ giáo trình nghề May thời trang có 17 bộ tương ứng với các môn học mô đun chuyên môn. Mỗi bộ giáo trình được in ấn và đóng cuốn để phục vụ việc đọc, tra cứu thông tin của học sinh nghề May thời trang. Đối chiếu với quy định: mỗi loại giáo trình, có tối thiểu 05 bản in, số lượng các bản in giáo trình của nghề May thời trang đáp ứng được tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học

Thư viện lưu trữ nhiều số lượng đầu sách, báo, tài liệu tham khảo liên quan đến nghề May thời trang. Đối chiếu với lưu lượng học sinh trung bình cả 3 khóa theo giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp là 95 học sinh, số đầu sách, tài liệu tham khảo cụ thể bản cứng và tài liệu điện tử có 700 bộ, như vậy đảm bảo quy định: Tối thiểu 5 đầu sách/người đọc.

(5.6.01 - Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hằng năm nghề May thời trang.; 5.6.02 - Hồ sơ quản lý sách thư viện).

Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, có phần mềm tra danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để bạn đọc tra cứu nhanh và hiệu quả nhất được tích hợp trên trang Website của Nhà trường theo địa <http://httc.edu.vn/khoa-cong-nghe-maythoitrang>, danh mục sách, giáo trình đã xuất bản.

(5.6.03- Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử;).

Hiện nay, tổng số đầu sách, tạp chí tại thư viện trường hiện nay phục vụ cho bạn đọc và tham khảo là trên 6000 đầu sách bản cứng, trên 9000 cuốn tài liệu điện tử được số hóa, trên 700 đầu mục giáo trình được số hóa trong đó có 100% các bộ chương trình, giáo trình nghề May thời trang. Hàng năm thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và sinh viên học sinh. Do vậy với số lượng đầu sách lớn để phục vụ cho việc tra cứu tài liệu cho thuận tiện nhà trường đã đầu tư thư viện điện tử được tích hợp trên trang website của nhà trường, phục vụ bạn đọc hiệu quả hơn *(5.6.04 - Phần mềm quản lý thư viện)*. Cơ sở dữ liệu được lưu trên hệ thống máy chủ của thư viện, được tích hợp trên trang Website của Nhà trường, gồm danh mục tài liệu điện tử, giáo trình của nghề điện công nghiệp được số hóa 100%, giúp người học có thêm nhiều kênh, nguồn thông tin để tra cứu, tìm hiểu. *(5.6.05 - Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện)*.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có thư viện, gồm có các phòng đọc, phòng lưu trữ được thiết kế đảm bảo quy định tại nhà đa năng:

- Khu nhà đa năng, gồm: 01 phòng đọc và lưu trữ, với diện tích: hơn 250m², bố trí cho trên 50 chỗ ngồi, mỗi chỗ ngồi đều có vách ngăn và khoảng cách đảm bảo qui định về diện tích chỗ ngồi theo TT 38/2018 cho người đọc trên 3.5m².

Tổng diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ hiện có tại trường theo thống kê trên 250m². Phòng đọc, kho dữ liệu của thư viện được bố trí sắp xếp các tài liệu, giáo trình theo các giá, kệ, tủ đựng từng vị trí theo chuyên ngành đào tạo. Ngoài ra thư viện nhà trường trang bị máy photo, máy tính, hệ thống quạt mát, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy theo qui định. Có một phòng máy tính được đầu tư 25 bộ máy đáp ứng nhu cầu HSSV tra cứu sách điện tử, máy tính được đầu tư mới, hoạt động nhanh, chất lượng tốt.

Nhà trường đã đầu tư xây dựng thư viện điện tử, có phần mềm tra mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử để bạn đọc tra cứu nhanh và hiệu quả nhất được tích hợp trên trang Website của Nhà trường

Trường đã đầu tư nối mạng Internet. Nhân viên thư viện có chuyên môn về quản lý thư viện cũng như sử dụng máy tính. Hệ thống nối mạng nội bộ giúp công việc giữa các phòng, khoa phối hợp ăn ý, nhịp nhàng hơn. Hệ thống mạng của trường hoạt động tốt và hữu dụng, giúp các phòng, khoa chia sẻ thông tin với nhau thường xuyên, nhanh chóng và khai thác dữ liệu điện tử. Phòng TC-HC-QT đưa lịch công tác tuần, các thông báo đến các phòng, khoa qua hệ thống nối mạng toàn trường.

Để HSSV, CB, GV tra cứu tham khảo tài liệu của nhà trường, nhà trường đã đầu tư hệ thống cơ sở dữ liệu thư viện điện tử để tài các tài liệu điện tử, danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo được số hóa trên địa chỉ Website nhà trường. Đồng thời thư viện trường có Wifi và có máy tính để bàn phục vụ cho việc HSSV truy cập thông tin nhanh và hiệu quả. Ngoài ra nhân viên quản lý Thư viện sưu tầm những địa chỉ trang Website cần thiết dán tại phòng thư viện thuận lợi cho HSSV tra cứu, giảm thời gian truy cập. Số

lượng truy cập của độc giả được nhân viên thư viện ghi chép vào sổ sách, và có hiện thị trên website thư viện điện tử của nhà trường.

Thư viện có hệ thống chiếu sáng, hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo quy định tất cả máy tính trong phòng internet có cấu hình cao lưu trữ và kết nối mạng ổn định đáp ứng cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu, tham khảo và sao chép tài liệu điện tử qua đường tuyến internet (*5.7. 01 - Ảnh chụp phòng máy tính; 5.7. 02- Hồ sơ sổ sách quản lý các phòng máy tính; 5.7. 03- Các biên bản kiểm tra phòng máy tính; 5.7. 04 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông - internet; 5.7.05- Phần mềm quản lý thư viện, thư viện điện tử*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Trong chương trình đào tạo hiện tại, nghề May thời trang có 17 MH/MĐ cơ sở chuyên môn nghề, trong đó có 14/17 MH/MĐ có sử dụng phần mềm dạy học, Trường thống kê theo bảng dưới đây

Danh mục các phần mềm mô phỏng sử dụng để giảng dạy trong một số môn học, mô đun sau:

STT	TÊN PHẦN MỀM	MÔN HỌC/ MÔ ĐUN ÁP DỤNG	TÍNH NĂNG
1	Autocad, Phần mềm 3D	Thiết bị may	
2	Autocad, Phần mềm 3D	Vẽ kỹ thuật ngành may	
3	Autocad, Phần mềm 3D, Lectra	Nhân trắc học	
4	Opitex, Lectra, Gerber, Clo 3D	Thiết kế mẫu công nghiệp	
5	Autocad, Lectra, Gerber	Thiết kế trang phục I	
6	Autocad, Lectra, Gerber	Thiết kế trang phục II	
7	Autocad, Lectra, Gerber	Thiết kế trang phục III	
8	Autocad, Lectra, Gerber, Opitex	May áo sơ mi nam nữ	

9	Autocad, Lectra, Gerber	May quần âu nam nữ	
10	Autocad, Lectra, Gerber	May áo Jacket	
11	Autocad, Lectra, Gerber	May áo váy	
12	Autocad, Lectra, Gerber	Giác sơ đồ trên máy tính	
13	Autocad, Lectra, Gerber	May sản phẩm nâng cao	
14	Autocad, Lectra, Gerber	Thiết kế trang phục trên máy tính	

(5.8.01 – Danh mục các môn học mô đun có sử dụng các phần mềm trong giảng dạy)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 2 điểm

TIÊU CHÍ 6: DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh sinh viên học tại Khoa May thời trang Trường Cao Đẳng Nghề Kỹ Thuật Công Nghệ được thực hiện thường xuyên và kịp thời. Điều đó thể hiện qua việc năm 2020-2021 đã có 90 HSSV, năm 2021-2022 đã có 107 HSSV trong và ngoài trường được phổ biến về các nội quy quy chế của trường; các thông tin về chương trình đào tạo của nghề May và các chế độ, chính sách đối với người học (Theo danh sách sau).

Năm học 2020 – 2021

TT	Khóa học	Lớp	Số Lượng HS
	Khóa 14	Trong trường	
		TC may 14	25
		Ngoài trường	
		TC May Tân Yên	33
		TC May L.Nam	32

	Tổng		90
--	-------------	--	-----------

Năm học 2021 – 2022

TT	Khóa học	Lớp	Số Lượng HS
	Khóa 15	Trong trường	
		TC May 15	24
		Ngoài trường	
		TC May Tân Yên	30
		TC May L.Nam	24
		TC May L.Ngạn	29
	Tổng		107

Ngoài những nội dung tuyên truyền về hình ảnh, thương hiệu Nhà trường còn có các nội dung tuyên truyền về các ngành nghề trường đang đào tạo. Đặc biệt, các em học sinh các trường phổ thông trên địa bàn còn được nhà trường tổ chức tham quan, trải nghiệm thực tế tại các khoa đào tạo nhằm hiểu rõ hơn về các ngành nghề mà mình dự định sẽ theo học.

Để người học nắm rõ và thực hiện tốt các quy định về đào tạo, vào mỗi đầu năm học, nhà trường tổ chức Chương Trình Giáo dục Đầu Khóa cho tất cả học sinh sinh viên toàn trường (*6.1.01- Chương Trình Giáo Dục Đầu Khóa từ năm 2020 đến 2022*). Trong tuần học giáo dục đầu khóa năm 2019- 2021 học sinh sinh viên Khoa May thời trang được nhà trường phổ biến luật giáo dục, quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học. học sinh sinh viên được gặp gỡ, trao đổi với các phòng ban mà sinh viên thường xuyên liên hệ. Kết thúc chương trình giáo dục đầu khóa, HSSV viết bài thu hoạch với những thông tin tiếp thu được (*6.1.02- Bài thu hoạch của HSSV Khoa May thời trang năm 2019, 2020,2021; 6.1.03- Hướng dẫn chế độ miễn, giảm học phí; 6.1.04 - Hướng dẫn về chính sách nội trú cho HSSV; 6.1.05 - Hướng dẫn trợ cấp xã hội cho HSSV*).

Giáo viên chủ nhiệm của từng lớp lập nhóm Zalo của lớp để thông tin đến người học về thời khóa biểu và giải đáp các thắc mắc khi HSSV cần, việc cập nhật điểm cho HSSV cũng được Giáo viên chủ nhiệm thực hiện thường xuyên. Như năm học 2020 -

2021 khoa Điện tử điện lạnh có các nhóm Zalo lớp được lập (6.1.06 – Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc Khoa May thời trang).

Thông tin đưa lên mạng được cập nhật đầy đủ các văn bản mới nhất: thông báo, lịch học, lịch thi, thời khóa biểu, kết quả học tập của học kỳ hiện tại và tất cả các học kỳ trước đó tại webside của nhà trường, từ giáo viên chủ nhiệm thông báo trực tiếp hoặc các quy định, quy chế sinh viên, các thông tin về chế độ chính sách, học bổng học sinh sinh viên cũng được giải đáp về mọi chi tiết liên quan đến học tập, thi cử hoặc các thắc mắc liên quan đến việc học qua số điện thoại phòng Đào tạo và phòng Công tác HSSV (6.1.07 – Hình ảnh thông tin trên trang Web của trường).

Các văn bản đều được niêm yết tại các bảng thông báo của trường, bảng tin của các khoa, Đoàn thanh niên.

Từ năm 2020, phòng công tác học sinh sinh viên triển khai các chương trình hành động về tìm hiểu các quy định của nhà trường nhằm giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của việc nắm bắt thông tin thường xuyên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm khuyến khích người học thực hiện tốt các quy định, quy chế của nhà trường.

Nội dung khảo sát: Việc phổ biến cụ thể thông tin về chương trình đào tạo:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	2	5.56	33	91.67
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					0	0	4	16.67	20	83.33
4	2022	40					0	0	4	10.00	36	90

Nội dung khảo sát: Cung cấp thông tin về nội quy, quy chế của Nhà trường:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	4	11.11	31	86.11
2	2020	32					0	0	4	12.50	28	87.5
3	2021	24					0	0	1	4.17	23	95.83
4	2022	40					0	0	4	10.00	36	90

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chính sách mà người học được hưởng:

Nhà trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Hằng năm, ngay từ “Chương Trình Sinh Hoạt đầu khóa - HSSV” vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập (*6.2.01- Hướng dẫn về chính sách khen thưởng*).

Việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học:

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Bộ LĐ-TB&XH đồng thời triển khai và hướng dẫn người học hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách và do các địa phương trực tiếp quản lý. Đảm bảo chính xác, kịp thời và đúng đối tượng. Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV. Năm học 2019, 2020, 2021 nhà trường đã xét duyệt hồ sơ của HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo, qua đó đã miễn học phí cho lượt HSSV với tổng số tiền 29.060.000đ. Danh sách HSSV thuộc các đối tượng trên được Phòng CTHSSV lập theo từng học kỳ của từng năm học và được quản lý, chặt chẽ, khoa học và được lưu trữ trên máy tính và bằng văn bản.

Năm học 2019 – 2020: khoa May thời trang có 131 học sinh trung cấp nghề khóa 10, 11 và khóa 12 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2020-2021 khoa May thời trang có 104 học sinh trung cấp khóa 12 và khóa 13 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước

Năm 2021- 2022 khoa May thời trang có 177 học sinh trung cấp khóa 12, 13 và

khóa 14 được miễn phí 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước *(6.2.02- Các Quyết định danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022).*

Việc triển khai chính sách và các chế độ khen thưởng trong Nhà trường đã tăng thêm động lực để khuyến khích người học nỗ lực để đạt thành tích cao trong học. Cuối mỗi học kỳ, năm học, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của HSSV để Hội đồng Nhà trường tiến hành họp, xét cấp học bổng khuyến khích học nghề, khen thưởng, trợ cấp xã hội. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Hiệu trưởng ra Quyết định cấp học bổng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú:

Năm học 2019- 2020 cấp cho 208 lượt HSSV với tổng số tiền 620.095.000 đồng trong đó có 16 lượt sinh viên cao đẳng và 15 lượt học sinh trung cấp đạt học bổng với tổng số tiền là 32.595.000 đồng

Năm học 2020- 2021 cấp cho 60 lượt HSSV với tổng số tiền 206.125.000 đồng;

Học kỳ I năm học 2021- 2022 cấp cho 108 lượt HSSV với tổng số tiền 301.300.000 đồng.

(6.2.03- Quyết định danh sách HSSV được cấp học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú năm học 2019-2020, 2020-2021, kỳ I năm học 2021- 2022; 6.2.04 - Hồ sơ tài chính chi trả chế độ cho HSSV).

Ngoài các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước, Nhà trường còn có một số chính sách riêng để hỗ trợ và khuyến khích người học như chính sách miễn tiền ở đối với học sinh sinh viên ở nội trú Ký túc xá, chính sách khen thưởng đối học sinh sinh viên đạt danh hiệu HSSV giỏi cấp Trường và đạt giải tại Hội thi tay nghề các cấp cao hơn, HSSV đạt loại giỏi toàn khóa học, HSSV xếp loại rèn luyện xuất sắc toàn khóa học. Năm 2020, 2021 2022, Nhà trường còn hoàn thiện hồ sơ đề cử 04 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó vươn lên trong học tập được nhận 04 suất học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc với tổng số tiền 10.000.000/sinh viên, trong đó có sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí.

(6.2.05- Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng từ Hội thi tay nghề cấp Trường, cấp Thành phố năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022; 6.2.06- Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng đạt loại giỏi toàn khóa, xếp loại rèn luyện xuất sắc; 6.2.07- Danh sách đề cử, hình ảnh các sinh viên nhận học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2019, 2020).

Nội dung khảo sát: Trường thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập, các chế độ chính sách, khen thưởng động viên người học *(6.2.8 - Kế hoạch khảo sát*

HSSV năm 2020, 2021, 2022; 7.4.02 - Phiếu khảo sát ý kiến người học; 6.2.9 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học):

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	3	8.33	32	88.89
2	2020	32					0	0	2	6.25	30	93.75
3	2021	24					1	4.17	1	4.17	22	91.67
4	2022	40					1	2.5	5	12.50	34	85

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định.

Nhằm gắn kết nhà trường và doanh nghiệp, năm 2011 trường đã thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp là phòng chuyên môn chịu trách nhiệm hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp phối hợp đào tạo *(6.3.01 - Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp; 6.3.02 - Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp)*. Phòng quan hệ doanh nghiệp phân công cán bộ tìm kiếm hợp tác với các doanh nghiệp, tìm kiếm thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên *(6.3.03 - Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm)*.

Trong quá trình học tập tại khoa May và thời trang, từ năm 2020-2022 đã có trên 200 HSSV nghề được cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí. Các doanh nghiệp trên địa bàn thường xuyên liên lạc, cộng tác với Nhà trường tuyển dụng lao động. Trường phổ biến thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp đến Khoa, các lớp học sinh sinh viên, dán bảng tin (hàng tháng)... đồng thời cán bộ Phòng QHDN, Phòng CTHSSV luôn sẵn sàng tư vấn, giới thiệu cho HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng *(6.3.04 - Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; 6.3.05 - Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; 6.3.06 - Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của Phòng QHDN, 6.3.07 - Báo cáo tổng kết*

năm 2019, 2020, 2021 của Phòng CTHSSV). Bên cạnh đó, Khoa còn thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho HSSV trên zalo của các nhóm lớp và trên website của Trường theo địa chỉ: www.httc.edu.vn. (1.1.07. www.httc.edu.vn.)

Nhằm tạo điều kiện cho HSSV an tâm khi tham gia học tập tại Trường, hàng năm Phòng QHDN tiến hành khảo sát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp và đã gửi HSSV khoa May đến thực tập tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực May trong năm 2019, 2020, 2021 đồng thời phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm” tại Trường, tổ chức cho doanh nghiệp trực tiếp tuyển dụng HSSV mới tốt nghiệp tại các “Lễ bế giảng khóa học” (6.3.08 - *Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2019,2020, 2021”*; 6.3.09 - *Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2019,2020, 2021*).

Hàng năm, Phòng QHDN đều có kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV (6.3.10 - *Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp*; 6.3.11 - *Kế hoạch công tác Phòng Công tác HSSV*).

Thông qua các hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm của Nhà trường. Đã có nhiều HSSV khoa May thời trang lạnh tìm được việc làm ngay tại các địa chỉ thực tập hoặc thông qua các “Hội nghị hướng nghiệp việc làm”, tuyển dụng của doanh nghiệp tại “Lễ bế giảng” khóa học của Trường

Kết thúc năm học, phòng Quan hệ doanh nghiệp và phòng Công tác học sinh đều đánh giá tổng kết công tác của phòng trong năm học trong đó có đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên trong năm. Từ đó phòng quan hệ doanh nghiệp và phòng công tác học sinh đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ cho năm học tiếp theo

Nội dung khảo sát: Thông tin về chuẩn đầu ra, vị trí việc làm ngành/ngành theo học:

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	2	5.56	33	91.67
2	2020	32					1	3.125	2	6.25	29	90.625
3	2021	24					1	4.17	2	8.33	21	87.5
4	2022	40					1	2.5	5	12.50	34	85

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào được Khoa May thời trang xác định là sân chơi chính, bổ ích và lành mạnh nhằm giúp HSSV rèn luyện năng khiếu và kỹ năng. Đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục chính trị tư tưởng cho HSSV. Hoạt động VHVN, TDTT và phong trào là hoạt động thể mạnh của nhà trường và được sự quan tâm rất lớn từ phía lãnh đạo. Thông qua các hoạt động VHVN, TDTT HSSV có điều kiện rèn luyện sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần; qua đó, giúp cho HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt.

Các hoạt động VHVN, TDTT được duy trì tổ chức thường xuyên với nhiều hình thức như: giải bóng đá nam, giải kéo co, giải cầu lông... chào mừng ngày truyền thống HSSV 09/01, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 03/02, ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3, ngày giải phóng miền Nam 30/4, ngày Quốc tế lao động 01/5, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 02/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 và các ngày lễ, ngày hội dân tộc,... Qua các hoạt động này, nhà trường cũng tập hợp được nhiều HSSV có năng khiếu góp phần phát huy hiệu quả năng lực của đội văn nghệ trường, từ đó phục vụ và hỗ trợ tốt các chương trình chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn trong và ngoài trường.

Trong đó, Khoa May luôn chứng tỏ là một trong các khoa tích cực tham gia vào các hoạt động VHVN, TDTT trong nhà trường. Với sự nhiệt tình hưởng ứng, các học sinh sinh viên của khoa luôn đóng góp các tiết mục ca múa nhạc vào các dịp kỉ niệm trong nhà trường và các hội thi tiếng hát sinh viên do đoàn thanh niên tổ chức

Với tinh thần đó, Học sinh sinh viên khoa May thời trang đã giành được nhiều giải thưởng trong các hoạt động VHVN, TDTT của trường như: giải bóng đá, giải cầu lông, giải kéo co, giải bóng chuyền, giải thi tiếng hát HSSV, giải thi rung chuông vàng...

Hàng năm, Đoàn trường, Phòng CTHSSV thường xuyên phối hợp tổ chức các giải thi đấu thể thao và các trò chơi dân gian tạo nên sân chơi lành mạnh cho HSSV sau những giờ học tập căng thẳng. Trong năm 2019, 2020, 2021 khoa May đã cử trên 200 HSSV tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao và tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động của Thanh niên tình nguyện của Đoàn thanh niên nhà

trường, Đoàn thanh niên Huyện Đông Anh, Đoàn thanh niên Bộ LĐTBXH tổ chức. Nhiều em đã được tặng giấy khen của Đoàn thanh niên Bộ LĐTBXH.

(6.4.01 - Kế hoạch hoạt động ngoại khóa năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020-2021; 6.4.02 - Kế hoạch thi đua học tập và rèn luyện, tổ chức hoạt động phong trào chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2019, 2020, 2021; 6.4.03 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, chương trình “Tuổi trẻ khởi nghiệp” và Kế hoạch tham gia Festival huyện Đông Anh, Sóc Sơn năm 2018, 2019; Kế hoạch tham gia Hội thao học sinh sinh viên, Giải chạy Báo Hà Nội mới...do cấp trên phát động, tổ chức; 6.4.04 - Kế hoạch tổ chức Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày 19/5/2018; 6.4.05 - Kế hoạch tổ chức giao lưu văn nghệ; 6.4.06 - Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” ngày 16/5/2019).

Nội dung khảo sát: Có không gian hoạt động thể dục thể thao, hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hoá văn nghệ, an toàn trong khuôn viên Nhà trường

TT	Năm	Số người khảo sát	Rất kém		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	2019	36					1	2.778	5	13.89	30	83.33
2	2020	32					1	3.125	3	9.38	28	87.5
3	2021	24					1	4.17	3	12.5	20	83.33
4	2022	40					1	2.5	4	10	35	87.5

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

TIÊU CHÍ 7: *Giám sát, đánh giá chất lượng*

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Với mục đích thu nhận thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của nhà trường, từ đó căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội. Hằng năm, nhà trường có khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với các nghề nhà trường đang đào tạo trong đó có nghề May thời trang chương trình khảo sát lần vết, khảo sát các doanh nghiệp sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và khảo sát sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất kinh doanh dịch vụ. Thông qua kết quả khảo sát nhà trường nắm bắt được mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại các doanh nghiệp, với kết quả trên nhà trường có kế hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình về kiến thức, kỹ năng cho người học để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo thông qua khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp đang tham gia làm việc tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá sự phù hợp của Chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ

Nhà trường giao cho phòng Quan hệ doanh nghiệp lập kế hoạch khảo sát ý kiến của doanh nghiệp có sử dụng lao động là sinh viên của Trường. Hàng năm phòng Quan hệ doanh nghiệp lập kế hoạch và khảo sát số doanh nghiệp có sử dụng lao động là sinh viên của trường. Căn cứ vào tình hình thực tế tuyển sinh của nghề May thời trang. Theo đó, số lượng doanh nghiệp được khảo sát các năm như sau: năm học 2020 - 2021 khảo sát 10 doanh nghiệp. Năm học 2021 - 2022 nhà trường đang xây dựng kế hoạch khảo sát 12 doanh nghiệp đang sử dụng lao động là cựu sinh viên của trường. *(7.1.01-Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022; 7.1.02 - Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến từ năm 2020 - 2021, 2021 - 2022)*

Thông qua phiếu khảo sát Nhà trường lấy ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp làm việc tại đơn vị và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ *(7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022; 7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022; 7.1.05 - Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022)*

Về nội dung mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động: Với 4 mức độ đánh giá: 1: *Không đáp ứng*; 2: *Phân vân*; 3: *Đáp ứng*; 4: *Đáp ứng tốt*. Kết quả:

<i>Năm</i>	<i>Không đáp ứng</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đáp ứng</i>	<i>Đáp ứng tốt</i>
2021			10/10	

Về sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ tương ứng với mức độ đánh giá về kiến thức và kỹ năng của HSSV áp dụng vào thực tế sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp với 05 mức độ đánh giá: 1: Không phù hợp; 2: Chưa thực sự phù hợp; 3: Tương đối phù hợp; 4: Phù hợp; 5: Rất phù hợp

Kết quả:

<i>Năm</i>	<i>Không phù hợp</i>	<i>Chưa thực sự phù hợp</i>	<i>Tương đối phù hợp</i>	<i>Phù hợp.</i>	<i>Rất phù hợp</i>
2021				10/10	

Như vậy, qua khảo sát các doanh nghiệp đánh giá người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị đáp ứng được yêu cầu và chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường đều tiến hành điều tra về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp thông qua các phiếu khảo sát khi sinh viên nhận bằng tốt nghiệp, qua hình thức lần vết trực tiếp đến các sinh viên và các phiếu khảo sát khi sinh viên nhận bằng tốt nghiệp.

(7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề May thời trang; 7.2.02- Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp; 7.2.03- Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.04- Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp; 7.2.05- Báo cáo kết quả điều tra lần vết).

Về nội dung đánh giá về chất lượng đào tạo của nhà trường tại phiếu khảo sát có 05 mức độ đánh giá. Kết quả:

<i>Năm</i>	<i>Không phù hợp</i>	<i>Chưa thực sự phù hợp</i>	<i>Tương đối phù hợp</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Rất phù hợp</i>
2021				8/8	

Về nội dung sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm tại phiếu khảo sát với 5 mức độ đánh giá. Kết quả:

<i>Năm</i>	<i>Không phù hợp</i>	<i>Chưa thực sự phù hợp</i>	<i>Tương đối phù hợp</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Rất phù hợp</i>
2021				6/6	

Như vậy, nhà trường đã thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục đích thu nhận các thông tin phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm nhà trường đều lập kế hoạch và tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Trong những lần khảo sát của trường, các nhà giáo Khoa May thời trang tham gia với tỷ lệ cao.

Cụ thể: Năm học 2020 - 2021 có 15 nhà giáo tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%; năm học 2020 - 2021, 2021 - 2022 có 17 nhà giáo tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%; *(7.3.01- Kế hoạch khảo sát CB, GV, NV; 7.3.02 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia khảo sát nghề May thời trang từ năm 2020 đến năm 2022).*

Nội dung khảo sát tập trung chủ yếu vào một số nội dung cơ bản như: chất lượng dịch vụ đào tạo; chính sách liên quan đến hoạt động dạy và học; công tác tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm; công tác an toàn, an ninh,...

Trong những năm gần đây, việc thực hiện thu thập ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thực hiện bằng các hình thức phát phiếu khảo sát.

Báo cáo kết quả tổng hợp đối với từng nội dung khảo sát là một trong những cơ sở quan trọng để Nhà trường để có những điều chỉnh, thay đổi chính sách phù hợp với điều kiện thực tế nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý, đào tạo *(7.3.01- Kế hoạch khảo sát từ năm 2020 đến 2022; 7.3.02- Danh sách lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động; 7.3.03 - Phiếu khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức*

và người lao động; 7.3.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chính sách chất lượng đào tạo).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Một trong những kênh thông tin rất quan trọng đối với Nhà trường để điều chỉnh các hoạt động góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học là sự phản hồi của người học thông qua hình thức khảo sát. Trong những năm gần đây, việc thực hiện thu thập ý kiến phản hồi từ người học được thực hiện bằng các hình thức phát phiếu khảo sát. Các câu hỏi nhằm xác định mức độ hài lòng của người học về các nội dung chủ yếu như: các ngành, nghề đào tạo; về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng chương trình, giáo trình; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan khác. Số lượng học sinh sinh viên khoa May thời trang, nghề May thời trang tham gia khảo sát ở mức cao.

Trong đó năm học 2020 - 2021 có **25/25** em tham gia khảo sát, đạt tỉ lệ 100%; năm học 2021 - 2022 nhà trường đang xây dựng kế hoạch khảo sát **50 em học sinh đang học nghề may thời trang;**

Kết quả khảo sát được thể hiện trong từng năm đã phần nào phản ánh chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học, Nhà trường đã xem xét và điều chỉnh, khắc phục nhằm cải tiến chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người

học để phục vụ người học ngày một tốt hơn (*7.4.01- Kế hoạch khảo sát; HSSV; 7.4.02- Phiếu khảo sát HSSV; 7.4.03 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công văn số 639/TCGDNN-KĐCL ngày 05/4/2018 về việc tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm trình độ Cao đẳng bắt đầu từ năm 2018. Hàng năm, trường thực hiện kiện toàn các Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, triển khai công tác tự đánh giá theo đúng quy định tại thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH.

Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy trình 4 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

Cụ thể kết quả tự đánh giá nghề may thời trang các năm như sau:

Năm 2020:

Điểm tự đánh giá: 96/100;

Số tiêu chuẩn ko đạt: 02;

Kết quả: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Năm 2021:

Điểm tự đánh giá: 96/100;

Số tiêu chuẩn ko đạt 02;

Kết quả: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Năm 2022:

Điểm tự đánh giá: 98/100;

Số tiêu chuẩn ko đạt: 01;

Kết quả: đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

(7.5.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề may thời trang năm 2020, 2021; 7.5.02 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang năm 2020, 2021; 7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề May thời trang trình độ trung cấp năm , 2020, 2021; 7.5.04 - Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ trung cấp năm 2020, 2021)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có)

Mô tả, phân tích và nhận định:

Hàng năm, trên cơ sở đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn, Nhà trường xác định được các ưu điểm để tập trung phát huy. Với những tiêu chuẩn chưa đạt, Hội đồng tự đánh giá

đã thảo luận đề xuất phương hướng, kế hoạch tự khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Kế hoạch và kết quả khắc phục các tồn tại được chỉ ra trong báo cáo tự đánh giá các năm 2020, 2021 của chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp cụ thể như sau:

Năm 2020:

Các điểm còn tồn tại:

- Việc thiết kế chương trình dạy nghề theo mô đun và môn học vẫn còn thiếu sự tích hợp cần thiết giữa việc thiết lập tiêu chuẩn nghề với tiêu chuẩn đào tạo(chuẩn đầu ra,nội dung,đánh giá, giáo viên,giao trình, phương pháp tổ chức quản lý, cơ sở vật chất..)

Kết quả khắc phục:

- Sau mỗi năm đào tạo cần rút ra các điểm còn hạn chế để khắc phục, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (sửa đổi chương trình, giáo trình, phương pháp tổ chức quản lý, cơ sở vật chất..)cho phù hợp với thực tế, chuẩn đầu ra, doanh nghiệp cần.

Năm 2021:

Các điểm còn tồn tại:

- Việc thiết kế chương trình dạy nghề theo mô đun và môn học vẫn còn thiếu sự tích hợp cần thiết giữa việc thiết lập tiêu chuẩn nghề với tiêu chuẩn đào tạo(chuẩn đầu ra,nội dung,đánh giá, giáo viên,giao trình, phương pháp tổ chức quản lý, cơ sở vật chất..)

Kết quả khắc phục:

- Sau mỗi năm đào tạo cần rút ra các điểm còn hạn chế để khắc phục, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (sửa đổi chương trình, giáo trình, phương pháp tổ

Năm 2022:

Các điểm còn tồn tại:

- Việc thiết kế chương trình dạy nghề theo mô đun và môn học vẫn còn thiếu sự tích hợp cần thiết giữa việc thiết lập tiêu chuẩn nghề với tiêu chuẩn đào tạo (chuẩn đầu ra, nội dung, đánh giá, giáo viên, giáo trình, phương pháp tổ chức quản lý, cơ sở vật chất..)

Kết quả khắc phục:

- Sau mỗi năm đào tạo cần rút ra các điểm còn hạn chế để khắc phục, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (sửa đổi chương trình, giáo trình, phương pháp tổ chức quản lý, cơ sở vật chất) cho phù hợp với thực tế, chuẩn đầu ra, doanh nghiệp cần.

(7.6.01 – Báo cáo tổng kết các năm học từ 2020 - 2021 đến 2021- 2022 của khoa May thời trang; 7.6.02 – Báo cáo tổng kết các năm từ 2020 đến 2021 của Trường)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Học sinh nghề May thời trang sau khi tốt nghiệp đã được các doanh nghiệp, công ty may mặc tuyển dụng vào các vị trí trên chuyên hoặc tổ trưởng, QC, KCS....

(7.2.01 - Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề May thời trang

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích và nhận định:

Nhà trường giao cho phòng Quan hệ doanh nghiệp lập kế hoạch khảo sát ý kiến của doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên của Trường. Theo đó, số lượng doanh nghiệp được khảo sát năm học 2020 - 2021 là 10 doanh nghiệp, và năm học 2021 - 2022 nhà trường đang xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến 13 doanh nghiệp.

Phòng đã khảo sát các doanh nghiệp mức độ về sinh viên của trường làm việc tại doanh nghiệp với các nội dung cụ thể như: kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn, kiến thức về quản lý, điều hành, kiến thức về văn hóa – xã hội; kỹ năng chuyên môn, tay nghề, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, kỹ năng tổ chức, quản lý điều hành, kỹ năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng tư duy, sáng tạo, làm việc độc lập...của học sinh với 05 mức độ đánh giá *1- Không nhận xét, 2- Không hài lòng, 3- Không hài lòng, 4- Tương đối hài lòng, 5- Rất hài lòng.*

Kết quả:

<i>Năm</i>	<i>Không nhận xét</i>	<i>Không hài lòng</i>	<i>Tương đối hài lòng</i>	<i>Hài lòng</i>	<i>Rất hài lòng</i>
2020				10	
2021				10	

Về đánh giá sự hài lòng của doanh nghiệp với năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị tại phiếu khảo sát, với 04 mức độ đánh giá. Kết quả:

Năm	Không hài lòng	Phân vân	Hài lòng	Rất hài lòng.
2020			10	
2021			10	

Tỷ lệ các doanh nghiệp đánh giá hài lòng và rất hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người lao động đang làm việc tại đơn vị đều trên 80% (*7.1.01-Kế hoạch khảo sát; 7.1.02-Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp*).

Như vậy, căn cứ vào nội hàm tiêu chuẩn, Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo nghề May thời trang trong giai đoạn 2021-2022

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học đáp ứng được nhu cầu của người học và xã hội.

- Tăng cường về số lượng, nâng cao về chất lượng đội ngũ nhà giáo của khoa May thời trang về chuyên môn, ngoại ngữ và tin học.

- Đáp ứng được nhu cầu của giáo viên và học sinh về giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu nâng cao, công nghệ mới về lĩnh vực May thời trang...

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên và Học sinh sinh viên trong Khoa.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ số (có kết hợp sử dụng các thiết bị nghe nhìn)

- Xây dựng, chỉnh sửa và hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình nghề May thời trang.

2. Kế hoạch giai đoạn 2023 - 2025

2.1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/ngành.

2.2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn tay nghề và nghiệp vụ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của nhà giáo và học sinh trong khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho nhà giáo và học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, tăng cường tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm.

Tăng cường phát triển thêm các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy trong thực tế, giúp HSSV có thể tiếp cận kiến thức tốt hơn và khơi dậy sáng tạo cho HSSV.

2.4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước và quốc tế.

Chương trình đào tạo nghề May thời trang phải đảm bảo liên thông giữa các trình độ từ trung cấp lên cao đẳng và đại học.

2.5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và quốc tế. Nâng cao vị thế đào tạo nghề May thời trang của trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ.

PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nhà trường tăng cường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và quốc tế để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

- Tạo điều kiện và hỗ trợ hơn nữa cho nhà giáo nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp. Đặc biệt là công tác đào tạo đội ngũ giảng viên/giáo viên trẻ.

- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, nhà giáo và học sinh sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo để kịp thời khắc phục cho phù hợp;

- rà soát hệ thống văn bản, chỉnh sửa và thống nhất mẫu chung, đưa vào vận hành các quy trình để đồng bộ trong toàn trường.

PHỤ LỤC

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp-Năm 2022

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nghề May thời trang dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của nghề May thời trang, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển đào tạo nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề May thời trang.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề May thời trang và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng chất lượng GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp

- Phân công Khoa May thời trang chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp, năm 2022;
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

4.2. Đối với Khoa May thời trang

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;
- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;
- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng của đơn vị theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng họp thông qua.

4.3. Đối với các Phòng, Khoa trong Nhà trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Khoa may thời trang để tổng hợp.

5. Phân công các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp cung cấp số liệu và minh chứng
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		

THƯ
T
CAO
K
C
Đ

1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
III Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
IV Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
V Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT

2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
VI Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
VII Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV

6. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc thực hiện
Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 19/5/2022	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp năm 2022 và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.
Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 30/6/2022	Thu thập thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 10/07/2022	Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng.
Từ ngày 11/07/2022 đến ngày 20/07/2022	Tổng hợp Dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng và các đơn vị xin ý kiến góp ý.
Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 30/07/2022	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo
Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 04/08/2022	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh

2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo
VI Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
VII Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng			
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa May thời trang	- Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa May thời trang	- Phòng ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa May thời trang	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa May thời trang	- Phòng CTHS-SV

6. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc thực hiện
Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 19/5/2022	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp năm 2022 và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.
Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 30/6/2022	Thu thập thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 10/07/2022	Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng.
Từ ngày 11/07/2022 đến ngày 20/07/2022	Tổng hợp Dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng và các đơn vị xin ý kiến góp ý.
Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 30/07/2022	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo
Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 04/08/2022	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh



DANH SÁCH

**HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ MAY THỜI TRANG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2022**

Quyết định số 11/QĐ-ĐNKTCTN ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Ông Đặng An Bình	- Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Bà Đào Thị Thủy	Trưởng khoa May thời trang	Phó Chủ tịch
3.	Bà Phùng Thị Nụ	Giảng viên nghề May thời trang	Ủy viên thư ký
4.	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Công Hùng	Phụ trách phòng ĐBCL	Ủy viên
6.	Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Ông Phạm Kim Thu	Trưởng phòng TTSX&DV	Ủy viên
8.	Bà Trần Thị Ngọc Huệ	Giảng viên nghề May thời trang	Ủy viên
9.	Bà Phạm Quỳnh Hương	Trưởng Tổ môn Công nghệ may Trường ĐHCN Hà Nội	Ủy viên
10.	Ông An Hồng Thắng	Giám đốc Công ty TNHH May mặc An Thắng	Ủy viên
11.	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Giám đốc Công ty TNHH May Đức Giang	Ủy viên

(Danh sách này có 11 thành viên)

Kg. Khoa May & TKIT

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 110/QĐ-CDNKTCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Nghề May thời trang trình độ Trung cấp, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Căn cứ quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 về việc quy định quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23/6/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 4034/SLĐTBXH-DN ngày 12/7/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp, năm 2022 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp, năm 2022 theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, gồm:

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp năm 2022;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp năm 2022 và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;
- Phối hợp đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang trình độ Trung cấp năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng, khoa, đơn vị có liên quan và các Ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, ĐBCL.



BẢNG MÃ MINH CHỨNG

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	1	1	1.1.01		1.1.01 - Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ Số 1488/QĐ-BLĐT BXH ngày 15/10/2015)
			1.1.02		1.1.02 - Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ, Quyết định ban hành số 1299/QĐ-BLĐT BXH ngày 11/9/2015). (Thay thế bằng Nghị Quyết hội đồng trường)
			1.1.03		1.1.03 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN;
			1.1.04		1.1.04 - Quyết định ban hành chương trình nghề May thời trang, chương trình chi tiết kèm theo).
			1.1.05		1.1.05 - Báo cáo kết quả khảo sát; các phiếu khảo sát
			1.1.06		(1.1.06 - http://www.httc.edu.vn)
			1.1.07		1.1.07 – Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020 - 2021, 2021 - 2022
			1.1.08		(1.1.08- Hồ sơ rà soát chương trình đào tạo; Bộ chương trình đào tạo nghề may thời trang năm 2020).

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
		2	1.2.01		<i>1.2.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường</i>
			1.2.02		<i>1.2.02 – Quyết định số 33A/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/02/2018 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường CĐN KTCN</i>
			1.2.03 1.2.4		<i>(1.2.03 - Báo cáo tổng kết các năm học từ 2020-2021, 2021- 2022 của khoa; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 , 2021 của Nhà trường; 1.2.04- các quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2020, 2021; 1.2.05 - Các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2020, 2021).</i>
			1.3.01		<i>(1.3.01 - Quyết định mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường;</i>
			1.3.02		<i>1.3.02 Báo cáo nghiên cứu để đưa ra định mức chi).</i>
		3	1.3.03		<i>(1.3.03 – Quyết định số 389/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			1.3.2		1.3.02- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020, 2021
			1.3.3		1.3.03 - Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021;
			1.3.4		1.3.04 - Báo cáo tài chính các năm 2020, 2021
	2	1	2.1.01		Quy chế tuyển sinh của nhà trường từ năm 2020 - 2022
			2.1.02		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020 – 2021, 2021 - 2022
			2.1.03		Quyết định thành lập hội đồng Tuyển sinh
			2.1.04		Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2020 -2021, 2021- 2022
			2.1.05		Quyết định công nhận trúng tuyển năm 2020 - 2021, 2021- 2022 hệ trung cấp;
			2.1.06		Báo cáo công tác tuyển sinh
			2.1.07		Hồ sơ tuyển sinh các năm từ 2020 - 2021. 2021 - 2022
			1.1.03		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHHĐ-TCDN; Giấy chứng nhận

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15a/2017/GCNĐKBS-TCĐN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15b/2017/GCNĐKBS-TCĐN; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN bổ sung số15c/2017/GCNĐKBS-TCĐN;
			2.1.08		<i>Quyết định biên chế các lớp, danh sách học sinh các lớp nghề May thời trang</i>
				2.1.09	<i>Phiếu khảo sát</i>
	2	2	2.2.01		<i>Quy chế đào tạo của Trường CĐN KTCN</i>
			2.2.02		<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm học từ năm 2020 - 2021, 2021 - 2022</i>
				2.2.03	<i>Kế hoạch giáo viên các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022</i>
				2.2.04	<i>Thời khóa biểu các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022</i>
				2.2.05	<i>Lịch giảng dạy của giáo viên</i>
			2.2.06		<i>Quyết định giáo viên chủ nhiệm</i>
				2.2.07	<i>Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo từ năm học 2020-2021, 2021 – 2022</i>
			2.2.08		<i>Biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo từ năm 2020 -2021, 2021- 2022</i>
			2.2.09		<i>Các biên bản họp của khoa</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.1.09	<i>Phiếu khảo sát</i>
	2	3		1.1.04	<i>Quyết định ban hành chương trình nghề may thời trang năm 2017, chương trình chi tiết kèm theo</i>
				2.2.07	<i>Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo từ năm học 2020-2021, 2021 – 2022</i>
			2.3.01		<i>Các phiếu đánh giá bài giảng nhà giáo khoa may thời trang</i>
			2.3.02		<i>Phần mềm quản lý đào tạo Eduman</i>
			2.3.03		<i>Các phần mềm dạy học nghề May thời trang</i>
				2.3.04	<i>Phiếu khảo sát người học</i>
	2	4	2.4.01		<i>Kế hoạch thực tập thực tập tốt nghiệp</i>
			2.4.02		<i>Các quyết định thực tập và danh sách các lớp kèm theo</i>
			2.4.03		<i>Hợp đồng với chuyên gia hướng dẫn thực tập).</i>
			2.4.04		<i>Báo cáo thực tập của học sinh</i>
	2	5		2.2.01	<i>Quy chế đào tạo theo niên chế</i>
			2.5.01		<i>Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ. Ban</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>hành kèm theo QĐ số 362/QĐ - CĐNKTCN ngày 04/12/2017</i>
			2.5.02		<i>Lịch thi kết thúc MĐ/MH</i>
			2.5.03		<i>Biểu mẫu đề thi, Mẫu chấm điểm thi kết thúc MĐ/MH).</i>
			2.5.04		<i>Bài thi kết thúc MH/MĐ; bảng điểm thi kết thúc MĐ/MH</i>
			2.5.05		<i>Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp</i>
			2.5.06		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thi và Các ban giúp việc Hội đồng thi tốt nghiệp và Ban giám sát thực hiện tổ chức thi tốt nghiệp các năm học 2020 – 2021, 2021- 2022</i>
			2.5.07		<i>- Các biên bản làm việc của Hội đồng thi tốt nghiệp và các ban giúp việc các năm 2022</i>
			2.5.08		<i>- Báo cáo kết quả tốt nghiệp</i>
			2.5.9		<i>Quyết định công nhận tốt nghiệp 2022 nghề may thời trang</i>
			2.5.10		<i>Báo cáo kết quả giám sát kỳ thi tốt nghiệp các năm 2022</i>
			2.5.11		<i>Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp</i>
			2.5.12		<i>Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên năm học</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>2020 - 2021, 2021 - 2022</i>
			<i>2.5.13</i>		<i>Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho người học các năm 2020, 2021</i>
			<i>2.5.14</i>		<i>Báo cáo về việc cấp phát văn bằng chứng chỉ các năm 2020, 2021</i>
			<i>2.5.15</i>		<i>Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ</i>
			<i>2.5.16</i>		<i>Hồ sơ học sinh sinh viên</i>
	<i>2</i>	<i>6</i>	<i>2.6.01</i>		<i>Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2020-2021, 2021 - 2022</i>
			<i>2.6.02</i>		<i>Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học năm 2020 - 2021; 2021 – 2022</i>
			<i>2.6.03</i>		<i>Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm trong đó có nghề may thời trang</i>
				<i>2.1.09</i>	<i>Phiếu khảo sát</i>
	<i>2</i>	<i>7</i>		<i>1.1.03</i>	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 15/2017/GCNDKHĐ-TCDN</i>
			<i>2.7.01</i>		<i>Chương trình đào tạo liên thông</i>
			<i>2.7.02</i>		<i>Kế hoạch tuyển sinh hàng năm các thông báo tuyển</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>sinh</i>
			2.7.03		<i>Quyết định biên chế học sinh liên thông; Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu; kế hoạch giáo viên</i>
			2.7.04		<i>Hồ sơ sinh viên học liên thông</i>
	3	1	3.1.01		<i>- Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề May thời trang Trình độ trung cấp</i>
				2.2.01	<i>- Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm học từ năm 2020 đến 2022; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên các năm học từ 2020-2022).</i>
			3.1.02		<i>- Báo cáo kết quả khảo sát, các phiếu khảo sát)</i>
	3	2	3.2.01		<i>- Quy chế nhà giáo GDNN trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ</i>
			3.2.02		<i>-Quyết định về việc quy định thời giờ nghỉ ngơi của công chức, viên chức, người lao động trường CĐN KTCN).</i>
				2.2.02	<i>- Kế hoạch giáo viên,</i>
				2.2.03	<i>- Thời khóa biểu).</i>
				2.2.05	<i>- Quyết định giáo viên chủ nhiệm</i>
			3.2.03		<i>- Quyết định giao quản lý thiết bị cho giáo viên).</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.2.04		- <i>Bảng tổng hợp giờ giảng năm học từ 2020 – 2021 đến 2021 - 2022</i>
			3.2.05		- <i>Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường;</i>
			3.2.06		- <i>Kết quả xếp loại lao động nhà giáo 2020 - 2021; 2021 - 2022,;</i>
			3.2.07		- <i>Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo</i>
			3.2.08		- <i>Phiếu tổng hợp đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo của khoa năm học 2020 - 2021; 2021 - 2022).</i>
				1.2.02	- <i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 - 2021; 2021 - 2022 của khoa;</i>
				1.2.03	- <i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020 - 2021; 2021 - 2022 của nhà trường).</i>
	3	3			2.2.01 - <i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo; 2.2.03 - Thời khóa biểu;</i>
				2.2.02	- <i>Kế hoạch giáo viên;</i>
				2.2.03	- <i>Thời khóa biểu;</i>
				2.2.04	- <i>Lịch giảng dạy của giáo viên</i>
			3.3.01		- <i>Danh sách nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun năm học 2020 - 2021; 2021- 2022</i>
				3.2.04	3.2.07 - <i>Bảng thống kê giờ giảng nhà giáo các</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>năm học</i>
				2.1.07	- <i>Quyết định biên chế các lớp học sinh của các năm học năm học 2020-2021; 2021 - 2022)</i>
			3.3.02		- <i>Bảng tính quy đổi nhà giáo/người học).</i>
	3	4	3.4.01		- <i>Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường; ,</i>
			3.4.02		- <i>Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường,</i>
	3	5	3.5.01		- <i>Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của khoa</i>
			3.5.02		- <i>Kế hoạch học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021 của khoa ;</i>
			3.5.03		- <i>Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021;</i>
			3.5.04		- <i>Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng</i>
	3	6			
			3.6.01		- <i>Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm;</i>
			3.6.02		- <i>Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>Doanh nghiệp;</i>
			3.6.03		<i>- Báo cáo kết quả thực tập của nhà giáo tại Doanh nghiệp</i>
	3	7	3.7.01		<i>- Hồ sơ nhà giáo Đào Thị Thủy).</i>
	3	8	3.8.01		<i>- Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ)</i>
			3.8.02		<i>- Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2020, 2021;</i>
			3.8.03		<i>- Biên bản phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2020, 2021;</i>
			3.8.04		<i>- Biên bản bình xét thi đua của khoa năm 2020, 2021;</i>
			3.8.05		<i>- Quyết định phân loại CC, CV, NLD của trường năm học 2020, 2021</i>
			3.8.06		<i>- Quyết định công nhận thi đua khen thưởng của trường năm học 2020, 2021).</i>
	4	1	4.1.01		Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo
				4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ nghề May thời trang độ trung cấp năm 2017

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.1.03	Các biên bản họp về nội dung xây dựng chương trình
				4.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghềMay thời trang
			4.1.05		Các bản đóng góp ý kiến của Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình
				4.1.06	Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt
				4.1.07	Hồ sơ rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trung cấp nghề May thời trang năm 2020;
				4.1.08	Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt
	4	2		4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ nghề May thời trang độ trung cấp năm 2017
				4.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghềMay thời trang
				4.1.07	Hồ sơ rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo trung cấp nghề May thời trang năm 2020;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			4.2.01		<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	3	4.3.01		<i>Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp nghề May thời trang, kèm theo quyết định ban hành</i>
				4.1.08	Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	4		4.1.08	Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	5		4.1.08	Bộ chương trình năm 2020 kèm theo Quyết định phê duyệt
				2.2.03	<i>Kế hoạch giáo viên các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022</i>
				2.2.04	<i>Thời khóa biểu các năm học từ 2020-2021, 2021 - 2022</i>
				2.2.05	<i>Lịch giảng dạy của giáo viên</i>
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4	6		4.1.06	Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt
			4.6.01		Các bộ đề thi kết thúc MH/MĐ
			4.6.02		Các bộ đề thi tốt nghiệp
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	7		4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ nghề May thời trang độ trung cấp năm 2017
				4.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề May thời trang
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	8		4.1.06	Bộ chương trình đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt
			4.8.01		Bộ Chương trình cao đẳng nghề may thời trang kèm theo Quyết định phê duyệt,
	4	9	4.9.01		Quyết định ban xây dựng, thẩm định giáo trình
			4.9.02		Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					trình đào tạo của nghề May thời trang
	4	10		4.1.02	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ nghề May thời trang độ trung cấp năm 2017
				4.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề May thời trang
				4.9.01	Hồ sơ thẩm định giáo trình
				4.9.02	Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang
	4	11		4.9.01	Hồ sơ thẩm định giáo trình
				4.9.02	Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang
				4.3.02	<i>Các phiếu khảo sát</i>
	4	12		4.9.01	Hồ sơ thẩm định giáo trình
				4.9.02	Các Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề May thời trang
				4.2.01	<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	5	1	5.1.1		5.1.01 - Hồ sơ xây dựng các khối công trình;
			5.1.2		5.1.02 - Danh sách các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo nghề May thời trang;
			5.1.3		5.1.03 - Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng
			5.1.4		5.1.04 – Danh mục thiết bị tại các cơ sở đào tạo ngoài trường;
			5.1.5		5.1.05- Hợp đồng thuê địa điểm đào tạo; Quyết định giao quản lý tài sản tại các cơ sở
			5.1.6		5.1.6 - Hồ sơ thiết kế, hồ sơ hoàn công nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống PCCC khu B
			5.1.7	1.1.01	5.1.07 - Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2019 - 2021
			5.1.8	2.2.04	5.1.08 - Hồ sơ thiết kế hệ thống điện của trường, Sơ đồ hệ thống cung cấp điện
			5.1.9		5.1.09 - Hồ sơ thiết kế hệ thống cấp, thoát nước của nhà trường;
			5.1.10		5.1.10 - Các hợp đồng cung cấp nước
			5.1.11		5.1.11 – kết quả khảo sát
		2	5.2.1		5.2.1- Bộ chương trình nghề May thời trang kèm theo quyết định phê duyệt)

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.2.2		5.2.02 - Hồ sơ quản lý thiết bị của trường, khoa;
			5.2.3		5.2.03 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề May thời trang với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 27/2012/TT-BLĐTBXH
		3	5.3.1		5.3.01 – Các bộ chương trình nghề May thời trang kèm theo quyết định phê duyệt;
			5.3.2		5.3.02 - Hồ sơ quản lý thiết bị của trường, khoa;
			5.3.3		5.3.3 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề May thời trang với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 26/2019/TT – BLĐTBXH;
			5.3.4		5.3.4 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo nghề may thời trang năm 2019, 2020,2021
		4	5.4.1		5.4.01 – Sơ đồ bố trí các phòng học;
			5.4.2		5.4.02- Bộ ảnh chụp xưởng;
			5.4.3		(5.4.03 - Hồ sơ quản lý thiết bị khoa may thời trang;
			5.4.4		5.4.04 -Văn bản giao quản lý các phòng học chuyên môn khoa May thời trang; .
			5.4.5		5.4.05 - Quyết định ban hành quy định về quản lý thiết bị thực hành;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.4.6		5.4.06 - Biên bản kiểm kê thiết bị đào tạo)
			5.4.7		(5.4.07 - Hồ sơ bảo dưỡng thiết bị: Hợp đồng thuê bảo dưỡng; các biên bản nghiệm thu; các biên bản xác định tình trạng hỏng thiết bị)
			5.4.8		(5.4.8 – kết quả khảo sát).
		5	5.5.1		(5.5.01 – Định mức kinh tế kỹ thuật nghề Kỹ thuật chế biến món ăn;
			5.5.2		5.5.02- Quyết định số .../QĐ-CĐNKTCN ngày .../2021 về việc ban hành định mức tiêu hao vật tư thực hành) để làm cơ sở cấp phát vật tư theo định mức và tính toán xác định thu hồi vật tư tiêu hao. Tại Quyết định số .../QĐ-CĐNKTCN ngày.../2021 ban hành định mức tiêu hao vật tư đối với nghề May thời trang trình độ trung cấp, Trường có xây dựng định mức tiêu hao vật tư cho ... loại danh mục vật tư tiêu hao trong quá trình thực tập của sinh viên.
			5.5.3		(5.5.03– Quy trình quản lý, cấp phát vật tư; 5.5.04 - Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo khoa May thời trang).
			5.5.4		(5.5.04 - Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học)

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.5.5		(5.5.5 – kết quả khảo sát).
		6	5.6.1		(5.6.01 - Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hằng năm nghề May thời trang.;
			5.6.2		5.6.02 - Hồ sơ quản lý sách thư viện).
			5.6..3		(5.6.03- Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử;)
			5.6.4		5.6.04 - Phần mềm quản lý thư viện)
			5.6.5		(5.6.05 - Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện).
		7	5.7.1		(5.7. 01 - Ảnh chụp phòng máy tính;
			5.7.2		5.7. 02- Hồ sơ sổ sách quản lý các phòng máy tính;).
			5.7.3		5.7. 03- Các biên bản kiểm tra phòng máy tính;
			5.7.4		5.7. 04 Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông - internet;
			5.7.5		5.7.05- Phần mềm quản lý thư viện, thư viện điện tử
		8	5.8.1		(5.8.01 – Danh mục các môn học mô đun có sử

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>dụng các phần mềm trong giảng dạy)</i>
	6	1	6.1.1		<i>(6.1.01- Chương Trình Giáo Dục Đầu Khóa từ năm 2020 đến 2022</i>
			6.1.2		<i>(6.1.02- Bài thu hoạch của HSSV Khoa May thời trang năm 2019, 2020,2021;</i>
			6.1.3		<i>6.1.03- Hướng dẫn chế độ miễn, giảm học phí;</i>
			6.1.4		<i>6.1.04 - Hướng dẫn về chính sách nội trú cho HSSV;</i>
			6.1.5		<i>6.1.05 - Hướng dẫn trợ cấp xã hội cho HSSV).</i>
			6.1.6		<i>(6.1.06 – Hình ảnh Zalo các nhóm lớp thuộc Khoa May thời trang).</i>
		2	6.2.1		<i>(6.2.01- Hướng dẫn về chính sách khen thưởng).</i>
			6.2.2		<i>(6.2.02- Các Quyết định danh sách HSSV được miễn, giảm học phí trong các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022).</i>
			6.2.3		<i>(6.2.03- Quyết định danh sách HSSV được cấp học bổng, khen thưởng, trợ cấp xã hội, chính sách nội trú năm học 2019-2020, 2020-2021, kỳ I năm học 2021- 2022;).</i>
			6.2.4		<i>6.2.04 - Hồ sơ tài chính chi trả chế độ cho HSSV</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.2.5		(6.2.05- Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng từ Hội thi tay nghề cấp Trường, cấp Thành phố năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; ;
			6.2.6		6.2.06- Quyết định danh sách HSSV được khen thưởng đạt loại giỏi toàn khóa, xếp loại rèn luyện xuất sắc
			6.2.7		6.2.07- Danh sách đề cử, hình ảnh các sinh viên nhận học bổng “Chung tay chia sẻ” của Hiệp Hội doanh nghiệp Hàn Quốc năm 2019, 2020).
			6.2.8		(6.2.8 - Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022; 7.4.02 - Phiếu khảo sát ý kiến người học;
			6.2.9		6.2.9 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học):
		3	6.3.1		(6.3.01 - Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp;
			6.3.2		6.3.02 - Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp)
			6.3.3		(6.3.03 - Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm).

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.3.4		<i>(6.3.04 - Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021;</i>
			6.3.5		<i>6.3.05 - Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp;</i>
			6.3.6		<i>6.3.06 - Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của Phòng QHDN,</i>
			6.3.7		<i>6.3.07 - Báo cáo tổng kết năm 2019, 2020, 2021 của Phòng CTHSSV)</i>
					<i>(1.1.07. www.httc.edu.vn.)</i>
			6.3.8		<i>6.3.08 - Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2019,2020, 2021”;</i>
			6.3.9		<i>6.3.09 - Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2019,2020, 2021</i>
			6.3.10		<i>(6.3.10 - Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp;</i>
			6.3.11		<i>6.3.11 - Kế hoạch công tác Phòng Công tác HSSV).</i>
		4	6.4.1		<i>(6.4.01 - Kế hoạch hoạt động ngoại khóa năm học 2018- 2019, 2019- 2020, 2020-2021;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.4.2		6.4.02 - Kế hoạch thi đua học tập và rèn luyện, tổ chức hoạt động phong trào chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 năm 2019, 2020, 2021;
			6.4.3		6.4.03 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào chào mừng ngày thành lập Đoàn 26/3, chương trình “Tuổi trẻ khởi nghiệp” và Kế hoạch tham gia Festival huyện Đông Anh, Sóc Sơn năm 2018, 2019; Kế hoạch tham gia Hội thao học sinh sinh viên, Giải chạy Báo Hà Nội mới...do cấp trên phát động, tổ chức;
			6.4.4		6.4.04 - Kế hoạch tổ chức Hội thi kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ngày 19/5/2018;
			6.4.5		6.4.05 - Kế hoạch tổ chức giao lưu văn nghệ;
			6.4.6		6.4.06 - Kế hoạch tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” ngày 16/5/2019).
	7	1	7.1.01		-Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022;
			7.1.02		- Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến từ năm 2020 - 2021, 2021 - 2022)
			7.1.03		- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022;
			7.1.04		- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			7.1.05		- Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp năm 2020 - 2021, 2021 - 2022)
	7	2	7.2.01		- Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề May thời trang;;;;
			7.2.02		- Kế hoạch điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp
			7.2.03		- Phiếu khảo sát điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp
			7.2.04		- Bảng tổng hợp thông tin việc làm đối với người học đã tốt nghiệp
			7.2.05		- Báo cáo kết quả điều tra lần vết).
	7	3	7.3.01		- Kế hoạch khảo sát CB, GV, NV;
			7.3.02		- Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia khảo sát nghề May thời trang từ năm 2020 đến năm 2022).
			7.3.03		- Phiếu khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động;
			7.3.04		- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chính sách

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>chất lượng đào tạo).</i>
	7	4	7.4.01		- Kế hoạch khảo sát; HSSV;; 7.4.03 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học).
			7.4.02		- Phiếu khảo sát HSSV
			7.4.03		- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến người học).
	7	5	7.5.01		- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề may thời trang năm 2020, 2021;;;
			7.5.02		- Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề May thời trang năm 2020, 2021
			7.5.03		- Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề May thời trang trình độ trung cấp năm , 2020, 2021
			7.5.04		- Hồ sơ về công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề may thời trang trình độ trung cấp năm 2020, 2021)
	7	6	7.6.01		- Báo cáo tổng kết các năm học từ 2020 - 2021 đến 2021- 2022 của khoa May thời trang;
			7.6.02		- Báo cáo tổng kết các năm từ 2020 đến 2021 của

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Trường)
	7	7	7.2.01		- Quyết định công nhận tốt nghiệp/danh sách người học tốt nghiệp nghề May thời trang
	7	8	7.1.01		- Kế hoạch khảo sát;; 7.1.03- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp).
			7.1.02		-Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát ý kiến
			7.1.03		- Phiếu khảo sát ý kiến doanh nghiệp).

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- PĐBCL (để b/c);
- Lưu: Văn thư, PĐBCL

Hà Nội, ngày ... tháng 9 năm 2022

Chủ tịch HĐ TĐGCL CTĐT

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



Dặng An Bình